Nam Mô A Mi Đà Phật!

Kính chuyển đến chư vị hữu duyên phần ghi chép tóm lược lại bài giảng **Kinh Phật Thuyết Đại Thừa Vô Lượng Thọ Trang Nghiêm Thanh Tịnh Bình Đẳng Giác – Phát Đại Thệ Nguyện Đệ Lục (***Phẩm Sáu: Phát Đại Thệ Nguyện***) –** Buổi 6

Giảng giải: Thầy Thích Thiện Trang

Giảng ngày: 19.12.2020 – VLT 51

Phát trực tiếp trên Kênh YouTube Thích Thiện Trang (Link YouTube tại đây: https://www.youtube.com/watch?v=-7c9IlNf2X8) và mạng xã hội Facebook: **Fanpage Thích Thiện Trang.**

Nam Mô Bổn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật!

Nam Mô A Mi Đà Phật!

 Kính chào quý vị liên hữu đồng tu đang theo dõi thời khóa trực tiếp vào tối thứ bảy hàng tuần. Hôm nay là ngày 19.12.2020, Thiện Trang tiếp tục chia sẻ về Kinh Vô Lượng Thọ, phẩm thứ 6, buổi thứ 6, chúng ta đã học được 5 buổi. Chúng ta học tập Kinh Vô Lượng Thọ để làm gì? Một câu Phật hiệu niệm đến cùng thì được rồi. Đó là căn tánh của ngài Hải Hiền, căn tánh của những người thật thà, nghe lời, thật làm. Thì thật sự những người như vậy không cần học Kinh giáo, chỉ cần biết có Tây Phương Cực Lạc, có đức Phật A Di Đà. Tin chắc mình sẽ được vãng sanh, một câu Phật hiệu niệm tới cùng, cả đời không thay đổi, không tham, không sân, không si, không hoài nghi, không cống cao ngã mạn. Người căn tánh như vậy gọi là thật thà, nghe lời, thật làm. Những người ấy một câu Phật hiệu niệm tới cùng là đủ rồi. Còn chúng ta là hạng người ở giữa. Hòa thượng nói có hai hạng người dễ độ. Hạng thứ nhất là người thượng trí, trí của họ ở trên bậc cao và cũng là thượng căn. Hạng thứ hai là người hạ ngu, không cần biết gì hết, họ có thể tiếp nhận pháp môn này dễ thành tựu. Còn chúng ta là hàng giữa giữa, khó thành tựu.

 Phật Bồ-tát luôn luôn ứng hiện ở thế gian, các ngài đứng ra biểu diễn thành tựu. Các ngài cũng không thực hiện gì cao siêu hết. Đời nay chỉ cần đơn giản, ví dụ như ngài Hải Hiền. Chúng ta thấy gần đây ở Việt Nam có Hòa thượng Thiện Huệ. Ngài là người chứng minh cho cuốn sách Khuyên Người Niệm Phật của Cư sĩ Diệu Âm (Úc châu). Quý vị đọc cuốn sách đó có nhắc đến Hòa thượng Thiện Huệ, chính là ngài. Ngài ở bên Úc, tại Tịnh Tông Học Viện Úc châu. Ngài ở gần Hòa thượng Tịnh Không gần 6 năm. Vừa rồi ngài ra đi vào ngày 2/11. Thiện Trang có duyên tiếp xúc với Hòa thượng Thiện Huệ 2 ngày rưỡi, gần 3 ngày, được ăn cơm với Hòa thượng. Ngài ăn mỗi ngày một bữa, ngài rất thanh thoát, nhẹ nhàng. Năm đó ngài 96 tuổi. Ngài ăn cơm rất chậm, từ từ, ngài vừa ăn vừa chia sẻ. Ngài rất sáng suốt. Thiện Trang nhớ là ngài ngồi cả ngày trong pháp hội Tam Thời Hệ Niệm không hề mệt mỏi chút nào, ngài ngồi im, mặt tươi tỉnh, niệm Phật. Còn mình còn trẻ, nhưng nghiệp chướng nặng nề, công phu yếu. Mặc dù được đi kinh hành, đứng lên lạy xuống, đủ các tư thế, trong Tam Thời Hệ Niệm, vậy mà thấy rất mệt mỏi trong khi Hòa thượng khỏe lắm. Cho nên chúng ta thấy công phu rất quan trọng. Trong video clip mọi người quay được, Hòa thượng chia sẻ, ngài nói ngài đã về Tây Phương Cực Lạc, ngài ngồi ghế số 11, một trong hai người ngồi gần Phật nhất. Tức là ngài ám chỉ số 2 và số 11. Ngài đã từng nói trước với một số Phật tử là 4 năm sau ngài sẽ ra đi vào tháng 11. Một số Phật tử chia sẻ lại. Công phu của ngài rất sâu, biết trước ngài ra đi. Ngài biểu pháp để chúng ta tin thêm. Thiện Trang nghĩ là ngài thành tựu được như vậy. Ngài xuất gia trễ, vào năm bốn mươi mấy tuổi, Hòa thượng có nói mà Thiện Trang quên rồi. Trước đó ngài cũng có gia đình. Nhưng niệm Phật mấy chục năm thành tựu. Cho nên chúng ta cũng có thể thành tựu. Ngài thị hiện như vậy, ý là có thể buông xuống hết mọi thứ ở thế gian, chuyên niệm Phật, và thành tựu. Người lớn tuổi đi xuất gia thì làm tác chứng chuyển, làm chứng minh, thành tựu, đó là một cương vị mà mình có thể làm được.

 Cho nên nói đi nói lại, thực sự công phu chúng ta còn yếu lắm, không được như ngài. Chúng ta tham sân si đầy, phát tâm một thời gian là thoái chuyển. Người nào cũng muốn vãng sanh, nhưng ngũ dục lục trần kéo chúng ta. Và sau một thời gian thì quên. Cho nên chư tổ nói phải nên phát tâm lớn, hãy làm sao lập chí nguyện bền vững lâu dài, đừng để thoái chuyển. Ví dụ như câu chuyện của Tần Cối, trong Văn Sao của Ấn Quang Đại-sư hay nhắc đến câu chuyện này. Tần Cối sanh vào thế kỷ 11, sống chủ yếu là vào thế kỷ 12, thời Nam Tống. Đời trước Tần Cối ở một vị Tăng ở trên núi Nhạn Đản (ngài Như Hòa dịch là núi Nhạn). Vị Tăng ấy ở trên núi tu hành, hàng ngày có một nhiệm vụ là làm hương đăng cho bàn Địa Tạng. Tức là lo đèn, nước, hương, hoa cho bàn thờ Địa Tạng Vương Bồ-tát. Ngài tu thiền trong núi. Khi ngài qua đời, có một người nữ nằm mơ thấy có một vị Tăng đến nói: “Tôi là Tăng tu ở núi Nhạn Đản, tôi xin được tá túc vào nhà của bà, bà có đồng ý không”. Bà hoan hỷ đồng ý. Sau đó bà có mang và sanh ra đứa con là Tần Cối. Đứa con rất tài năng, học rất giỏi, con đường quan lộ tiến rất nhanh. Từ đỗ tú tài rồi làm quan cho nhà Nam Tống. Lúc đó đất nước Trung Hoa chia cắt thành Bắc Tống, Nam Tống, nước Kim rất hung mạnh, nổi lên đánh lại nhà Tống. Tần Cối lên đến chức Tể tướng, phò vua Tống Cao Tông. Mặc dù vậy nhưng ông có tánh ghen ghét đố kỵ. Ai không theo ông thì ông tìm cách hãm hại. Trong số đó có một vị tướng là Nhạc Phi. Câu chuyện Nhạc Phi - Tần Cối là một điển tích rất nổi tiếng trong lịch sử. Người đời sau tạc tượng hai vợ chồng Tần Cối bị trói giam trong ngục, quỳ trước tượng của Nhạc Phi trong đền thờ Nhạc Phi, để người đời nhổ nước bọt, nguyền rủa, đánh lên bức tượng đó.

 Bởi vì Tần Cối là gian thần, trong đời làm rất nhiều việc ác. Còn Nhạc Phi là trung thần, có công rất lớn. Lúc đó Nhạc Phi đang chiến thắng quân Kim, Tần Cối bèn triệu tập ông về triều, vu oan giá họa cho ông, và cuối cùng giết chết Nhạc Phi trong ngục. Trong câu chuyện này Thiện Trang muốn nói đến việc luân hồi. Tần Cối đời trước là người có căn lành, có duyên với Địa Tạng Bồ Tát, cho nên có hai lần có thể quay đầu. Một lần ông nằm mơ thấy mình ở trong một hang động rất kỳ lạ. Một lần ông đi du ngoạn thì gặp một cảnh hang động quen thuộc, đó là động 500 vị A La Hán. Ông nhìn kỹ thì giống như trong giấc mộng. Ông biết có lẽ đời trước mình đã tu hành ở đây. Cho nên ông cảm tác làm ra một bài thơ, ý nói là nếu như đời này ta không thành công lớn như vậy thì ta sẽ tiếp tục đi con đường xưa. Nhưng bây giờ sự nghiệp thế gian quá lớn, làm đến chức Tể tướng cho nên không còn tâm chí tu đạo, thoái tâm rồi. Càng ngày càng lún sâu vào con đường sai trái. Đến cuối đời Địa Tạng Bồ-tát một lần nữa muốn cứu ông, bèn hiện ra thành một vị Tăng đến gặp ông. Ngài biết ông có thiện căn nên nói ông chỉ cần niệm một chữ Phật thôi thì nghiệp chướng sẽ tiêu trừ. Lúc đó ông ta không niệm. Vị Tăng đó thấy ông ta cũng không có lòng cung kính, bèn lấy cây phất trần (cây này người xuất gia hay cầm để xua muỗi, giống như cây chổi), phất cho ông ta mấy cái. Do thần lực của Địa Tạng Bồ-tát nên ông ta quỳ xuống. Địa Tạng Bồ-tát bèn viết lên tay cho ông xem chữ Phật và đưa ra bảo ông ta đọc chữ đó. Ông ta trả lời: “Ta là Tể-tướng, từ nhỏ đến lớn đã học bao nhiêu trường lớp, đã đậu từ Tú tài đến Trạng nguyên. Bao nhiêu văn tự của đất nước đều là do ta phê duyệt, chẳng lẽ chữ này ta không biết hay sao”. Cho nên ông ta cũng không đọc. Địa Tạng Bồ-tát cũng hết cách bèn ra đi. Sau đó Tần Cối chết đọa vào địa ngục. Đó là một đời phát tâm tu hành, đời sau hưởng phước. Tu thiền có phước báo làm quan, quên hết sự nghiệp đời trước. Dù có Địa Tạng Bồ-tát điểm tỉnh 2 lần, trong đó có giấc mộng mẹ của ông ta nữa là ba lần điểm tỉnh. Mẹ ông có kể lại cho ông ta giấc mộng của bà nhưng ông ta cũng không để ý. Cho nên danh lợi đến rồi thì quên hết, con đường sanh tử luân hồi mãi chìm ngập trong đó.

 Nói đến ông ta chúng ta nhớ đến mình. Chúng ta cũng như vậy, trong bao nhiêu đời bao nhiêu kiếp, chúng ta ở trong vòng sanh tử thoát ra không nổi. Vì cứ tu một thời gian rồi lại thoái đọa. Tu để hưởng phước, tu cuối cùng đọa tiếp. Vì vậy chúng ta gặp được pháp môn Tịnh-độ, gặp được Pháp môn niệm Phật, chúng ta phải trân quý, đừng để luân hồi nhiều kiếp nữa. Quý vị phát tâm mạnh lên: “Con nguyện đời này ra khỏi sanh tử luân hồi. Con nguyện đời đời kiếp kiếp tu hành với Chánh đạo, không bao giờ lạc đường nữa. Mình có nguyện phụ như vậy. Thực ra một nguyện về Tây Phương Cực Lạc là đủ rồi, làm sao từ nay cho đến khi thành Phật con luôn luôn tu hành trong Chánh-đạo, luôn luôn hộ trì Phật pháp. Tâm nguyện đó giúp đỡ cho chúng ta. Nếu không vì một chút gì đó chúng ta bị đọa lạc.

**Đoạn 22**

**Kinh văn:**

 我作佛時。十方眾生。聞我名號。繫念我國。發菩提心。堅固不退。植眾德本。至心回向。欲生極樂。無不遂者。若有宿惡。聞我名字。即自悔過。為道作善。便持經戒。願生我剎。命終不復更三惡道。即生我國。若不爾者。不取正覺。

 **Ngã tác Phật thời, thập phương chúng sanh, văn ngã danh hiệu, hệ niệm ngã quốc, phát Bồ-đề tâm, kiên cố bất thoái. Thực chúng đức bổn, chí tâm hồi hướng, dục sanh Cực Lạc, vô bất toại giả. Nhược hữu túc ác, văn ngã danh tự, tức tự hối quá, vi đạo tác thiện, tiện trì kinh giới, nguyện sanh ngã sát, mạng chung bất phục canh tam ác đạo, tức sanh ngã quốc. Nhược bất nhĩ giả, bất thủ Chánh Giác.**

**Giải:**

 Đây là nguyện 21: Hối quá đắc sanh nguyện. Tức là sám hối lỗi lầm thì được sanh về Tây Phương Cực Lạc.

*#Ngã tác Phật thời:* Khi con thành Phật. Thời là khi. Đây là Tỳ-kheo Pháp Tạng ở trước Thế Gian Tự Tại Vương Phật phát nguyện.

*#thập phương chúng sanh:* Chúng sanh ở trong thế giới 10 phương: Đông, Tây, Nam, Bắc, trên, dưới và bốn phương phụ, nếu chúng ta nói hết kể ra 10 phương.

*#văn ngã danh hiệu:* văn là văn tư tu, tức nghe hiểu và tu, nghe danh hiệu con, tức là nghe danh hiệu của ngài Pháp Tạng Tỳ-kheo sau khi thành Phật là A Di Đà Phật.

#hệ niệm ngã quốc:

Hòa thượng chú giải: Hệ niệm là để tâm chuyên chú một nơi. Để tâm chuyên chú vào nước con, tức là Tây Phương Cực Lạc.

 Nghĩa là khi con thành Phật, chúng sanh trong mười phương thế giới, sau khi nghe được danh hiệu đức Phật A Di Đà, luôn luôn tâm chuyên chú vào thế giới Tây Phương Cực Lạc. Nghĩa là tâm chúng ta chỉ hướng về Tây Phương Cực Lạc thôi. Hệ niệm nghĩa là để tâm chuyên chú một nơi. Hệ niệm ngã quốc là chúng ta chỉ để tâm chuyên chú về Tây Phương Cực Lạc thôi, chứ không nghĩ đời sau làm này làm kia nữa.

*#phát Bồ-đề tâm:* phát Bồ-đề tâm này Thiện Trang sẽ chia sẻ kỹ hơn ở phẩm 24: Tam Bối Vãng Sanh. Ở đây chúng ta chỉ nói đơn giản theo định nghĩa của Đại sư Ngẫu Ích. Phát tâm Bồ-đề là quý vị thực sự phát tâm vãng sanh Tây Phương Cực Lạc làm Phật thì đó là tâm Đại-bồ-đề.

*#kiên cố bất thoái:* kiên cố làvững chắc, bất thoái là không bị lui sụt. Tâm Bồ-đề của mình phải kiên cố không lui.

*#Thực chúng đức bổn:* thực là trồng, chúng là nhiều, đức bổn là gốc đức, căn lành. Trồng nhiều căn lành như phóng sanh, ăn chay, làm từ thiện, trì giới… đó là những căn lành, gọi là đức bổn.

Hòa thượng chú giải: Thực là bồi thực( là vun trồng). Chúng đức bổn là gốc rễ của nhiều chúng công đức, là một câu A Di Đà Phật.

Nghĩa là đây là gốc rễ của nhiều công đức, quan trọng nhất Hòa thượng nhấn mạnh gốc đó là ở câu A Di Đà Phật. Những việc kia, ăn chay, phóng sanh, làm lành là trợ thôi, còn gốc chính để vun trồng của các việc lành, đó là một câu A Di Đà Phật. Bởi vì chánh nhân vãng sanh vẫn là niệm Phật.

Hòa thượng chú giải tiếp: Thực chúng đức bổn chính là trì danh niệm Phật. Như vậy trong các gốc đức, tuyệt với nhất là trì danh niệm Phật. Quý vị nên lưu ý Hòa thượng giảng có nhiều gốc đức lắm. Trong Khoa Chú 2014 Hòa thượng giảng gốc đức của cõi trời, người là Thập-thiện, Đệ Tử Quy. Còn quý vị muốn thành Thanh Văn thì gốc nào? Chúng ta muốn vãng sanh về Tây Phương Cực Lạc thì gốc là niệm A Mi Đà Phật. Có nhiều gốc, nhưng là gốc nào, gốc cây tùng khác, gốc cây tràm khác, gốc cây xoài khác. Chúng ta muốn gốc về Tây Phương Cực Lạc thì gốc là trì danh niệm Phật. Chúng ta muốn trồng gốc vãng sanh thì trồng gốc niệm Phật là chính. Vì một thành tựu thì tất cả thành tựu. Chỉ cần vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thì tất cả những thứ khác đều được thành tựu. Nếu chúng ta làm những việc kia, nhưng cuối cùng không vãng sanh, thì giống như câu chuyện Tần Cối mà Thiện Trang vừa kể, cũng như không. Cho nên chúng ta phải để ý là gốc nào, một câu niệm Phật.

*#chí tâm hồi hướng:* phải chí tâm nha. Chí tâm là hết lòng hết sức hồi hướng. Hồi hướng là hướng về Tây Phương Cực Lạc.

*#dục sanh Cực Lạc:* dục là mong muốn, sanh về Cực Lạc.

 Quý vị thấy ở đây, nguyên đoạn dài từ mười phương chúng sanh, văn ngã danh hiệu, là nghe danh hiệu con, rồi chí tâm về Tây Phương Cực Lạc, phải phát tâm Bồ-đề mà đừng để thoái chuyển, rồi trồng các cội đức, là trì danh niệm Phật, rồi dùng hết những việc đó hồi hướng, mong sanh về Tây Phương Cực Lạc, thì đức Phật A Di Đà khẳng định cho chúng ta:

*#vô bất toại giả:* vô bất, hai chữ “không” “không” đi liền nhau dịch là không có gì không thể được, Toại giả: chữ toại như trong chữ toại nguyện (tiếng Hán, một chữ là 2 chữ), là không có ai mà không được toại nguyện. Chữ giả là người. Nếu quý làm được: nghe được danh hiệu đức Phật A Di Đà rồi, chú tâm về Tây Phương Cực Lạc, quý vị phát tâm Bồ-đề không thoái chuyển, trồng gốc đức, trong đó là trì danh niệm Phật, dùng hết tâm hồi hướng thì không ai mà không được mãn nguyện.

Hòa thượng chú giải: Toại là mãn nguyện, tức là mãn được ý nguyện của mình là mong sanh sang Tây Phương Cực Lạc.

 Ở đây có rất nhiều điều nhưng chủ yếu là tâm mình phải hướng về Tây Phương Cực Lạc, phải phát tâm Bồ-đề, làm sao đừng để thoái chuyển, trì danh niệm Phật. Nếu nói rộng ra là làm các gốc lành, chí tâm hồi hướng, mong sanh về Tây Phương Cực Lạc thì không ai mà không được mãn nguyện. Hoặc nói cách khác là ai cũng được mãn nguyện. Đó là vô bất toại giả.

*#Nhược hữu túc ác:* nhược là nếu, túc là quá khứ. Tức là nếu có các nghiệp ác trong đời quá khứ. Nếu nói rộng ra là những nghiệp trong đời này luôn, khi chưa biết Phật pháp mình đã làm những việc gì, gọi là túc ác. Nếu có những nghiệp ác trong quá khứ.

Hòa thượng chú giải: túc ác là nghiệp ác của nhiều đời trong quá khứ, không phải một đời.

*#văn ngã danh tự:* nghe được tên con, tức là nghe được danh hiệu A Di Đà Phật.

*#tức tự hối quá:* tức là liền, lập tức, hối lỗi.

Hòa thượng chú giải: hối quá là biết hổ thẹn, sửa đổi.

 Chúng ta nhiều đời làm việc ác, biết rồi, bây giờ nghe danh hiệu của đức Phật A Di Đà liền lập tức tự biết hổ thẹn, sửa đổi. Chứ không phải biết rồi vẫn tiếp tục làm ác. Như vậy không thể nào đới nghiệp vãng sanh. Hòa thượng nói chỉ có thể mang nghiệp cũ, không thể mang nghiệp mới. Nếu bây giờ vẫn tạo nghiệp tiếp thì khó. Tất nhiên là cho đến khi lâm chung thì ngày hôm qua vẫn là ngày cũ, vẫn còn cơ hội. Nhưng nếu mà nghiệp ác chồng quá nhiều thì khó mà thành tựu. Đến lúc lâm chung, oan gia trái chủ và nghiệp đến. Lúc đó không tỉnh táo nổi thì khó mà thành tựu. Nên cần nghe danh hiệu con liền tự sám hối, sửa đổi.

*#vi đạo tác thiện:* chữ này đọc là vi tức là làm hoặc là. Ở đây nghĩa là làm, vi đạo là tu đạo. Tu đạo làm thiện. Chúng ta đủ tiêu chuẩn này không? Chúng ta đã nghe danh hiệu đức Phật A Di Đà rồi, sám hối rồi, bây giờ tu đạo, làm các việc thiện.

*#tiện trì kinh giới:* tiện là liền nhanh chóng, nhanh chóng trì kinh giữ giới. Giới luật cho người tại gia là Ngũ giới, Thập thiện, Bát quan Trai giới. Giới luật cho Tỳ-kheo là 250 giới, cho Tỳ-kheo-ni là 348 giới. Phải giữ giới. Trì kinh không phải là đọc kinh. Trì kinh nghĩa là kinh dạy điều gì thì làm điều đó. Trước có chữ tiện là nhanh chóng. Còn chúng ta học từ năm này qua tháng nọ, vẫn là không giữ giới, vẫn không trì kinh. Kinh dạy một đường, con làm một nẻo. Cho nên chúng ta thấy tiêu chuẩn này mình làm không đủ rồi. Tu đạo cũng có tu, nhưng tu ít, làm thiện cũng có làm nhưng xen tạp làm ác. Liền tự biết sám hối để sửa đổi thì mình cũng chưa biết. Tham, sân, si vẫn đầy. Kinh dạy một đường mình làm một nẻo, chưa đạt tiêu chuẩn.

*#nguyện sanh ngã sát:* nguyện sanh nước con, nguyện sanh Tây Phương Cực Lạc. Đây là nhân: nghe danh hiệu, sám hối, tu đạo, làm thiện, giữ gìn giới, tu theo kinh, nguyện sanh sang Tây Phương Cực Lạc.

*#mạng chung bất phục:* mạng chung là mạng hết (chết), bất phục là không trở lại

*#canh tam ác đạo: chữ* 更 các bản dịch trước đều dịch là âm cánh. Thiện Trang coi trên video Hòa thượng đọc âm pinyin là [gēng](https://hvdic.thivien.net/py/geng1) (âm 4), chứ không đọc là gèng (âm 2). Coi kỹ lại thì chữ này phải đọc là canh, không phải cánh. Cánh là phó từ “lại nữa”, ý nghĩa là: không trở lại vào tam ác đạo nữa. Đọc như vậy về nghĩa không sai. Tuy nhiên về ngữ pháp Hán cổ thì sai. Hòa thượng chú giải chữ 更 là kinh lịch, tức là trải qua. Trải qua là động từ thì phải là âm canh, thì mới phù hợp với cấu trúc Hán cổ. Ở đây nhiều người dịch sai vì không hiểu cấu trúc Hán cổ. Trong Hán cổ phó từ phải đứng trước động từ. Ở đây chữ phục nếu là phó từ, thì chữ更 phải dùng âm canh là động từ. Nếu chữ phục là động từ, chữ 更 đọc là cánh là phó từ thì sai cấu trúc ngữ pháp, vì phó từ phải đứng trước động từ. Mà động từ thì phải đọc canh chứ không đọc cánh. Cho nên nhiều người dịch sai. Thiện Trang lúc đầu cũng không để ý, thấy trên video người ta đánh âm pinyin là thanh 4. Nghe kỹ lại Hoà thượng đọc thanh 2, chứ không đọc thanh 4. Thành ra người ta đánh sai, mình cũng nhìn không kỹ, cũng sai. Sau một thời gian thấy bất hợp lý nên sửa lại. Bản Kinh in ở Việt Nam chỗ này cũng sai, vì chưa kịp sửa. Để chuẩn hơn thì quý vị sửa thành canh. Bản in tại Hải ngoại thì đã kịp sửa. Ở video trên YouTube Thiện Trang cũng đã sửa thành *canh tam ác đạo.* Đây thuộc về cấu trúc Hán cổ. Ai học không hiểu về Hán cổ, dịch cánh là sai. Mà Hòa thượng chú giải là kinh lịch là trải qua (tức phải đọc âm “canh”).

Câu này nghĩa là không sanh vào tam ác đạo, địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh.

*#tức sanh ngã quốc:* liền sanh về nước con, tức là Tây Phương Cực Lạc. Ý là ác nghiệp của chúng ta không quá lớn, không hiện ra đến nỗi mà kéo chúng ta trở lại tam ác đạo, thì liền được sanh về nước con.

*#Nhược bất nhĩ giả:* nếu không được như vậy. Chữ “nhĩ giả” dịch là như vậy.

*#bất thủ Chánh Giác:* thì con không giữ ngôi Chánh Giác.

 Ở đây ai học Hán cổ chịu khó chú ý, học kỹ chút. Thực ra thứ này dễ bị nhầm lắm. Thiện Trang bị nhầm là vì khi đọc trong đầu cứ nghĩ là „bất cánh phục“, chữ phục là động từ, chữ cánh là phó từ cho nên đảo lại. Chữ canh/cánh này xuất hiện mấy lần. Ở nguyện thứ hai, phẩm thứ sáu cũng có, do câu đó mà bị sai câu này. Câu đó là „***Bất phục cánh đọa ác thú, bất đắc thị nguyện, bất thủ Chánh Giác***“. Chữ 更 ở đây đọc “cánh” là đúng, vì đằng sau có chữ “đọa” là động từ, thì chữ “phục cánh” là phó từ, là đúng. Ở đằng sau có câu „Cánh vụ tân hoa“. Cánh là lại, vụ là rải, mưa, tân hoa là hoa mới. Ở đây đọc âm cánh là đúng vì có chữ vụ là động từ đứng đằng sau. Còn trong câu này đọc cánh là sai vì không có động từ đứng sau. Đây là nói cho những ai đang học Hán cổ. Thiện Trang đang chia sẻ Hán cổ, sau này thấy có nhiều người dịch sai. Nhất là bản Chú Giải Kinh Vô Lượng Thọ mà bây giờ đang lưu truyền có nhiều sơ sót như vậy. Tại vì đoán mò, thấy từ này nghĩa gì hợp lý rồi ráp vô. Thấy chưa hợp lý thì thêm từ vô, miễn cho ra nghĩa là được. Rất nhiều bản dịch bị sai là do không học cấu trúc Hán cổ. Quý vị học tiếng Anh, ai dạy tiếng Anh thì biết, có cấu trúc rõ ràng. Hay tiếng Việt của chúng ta cũng có cấu trúc rõ ràng. Nếu không chỉ là văn nói thôi, là văn bạch thoại, nói kiểu gì cũng được. Ví dụ như nói „anh ăn cơm chưa“ hay „cơm ăn anh chưa“, đâu có hiểu được. Cho nên phải nói cho đúng. Ngữ pháp Hán Cổ trong kinh điển là theo thứ tự ngữ pháp đàng hoàng. Cho nên quý vị nào chưa học mà muốn phiên dịch thì cẩn thận. Cho nên bản dịch ở Việt Nam rất nhiều, nhưng mà chưa học qua trường lớp Hán cổ, cấu trúc bị sai nhiều. Thiện Trang nói thì nhiều người phê bình Thiện Trang. Nhưng phải nói sự thật, để quý vị trẻ cố gắng học. Thiện Trang đang cố gắng để lớp Hán cổ sẽ tiếp tục, khi hết phần Hán hiện đại. Đáng lẽ chỉ cần dạy 100 bài là đủ rồi. Ngài Lý Bỉnh Nam và Hòa thượng Tịnh Không nói chỉ cần học thuộc lòng 50 bài văn Hán cổ hoặc 100 bài cổ văn thì quý vị có thể biết được, vì quý vị biết cấu trúc của nó. Tự nhiên biết đâu là động từ, danh từ, tính từ. Biết như vậy thì dịch mới chính xác. Thời nay đa số dịch giả là học Hán hiện đại, học nói thôi, rồi chuyển qua dịch, cho nên đoán mò, từ này có nghĩa nào, ghép đại vô, thành ra sai. Nên nhiều chỗ khó bị dịch sai. Ví dụ như câu „Tâm hữu sở niệm“ có người dịch là „tâm có chỗ niệm“: hữu là có, sở là chỗ, niệm là niệm. Dịch sai vì họ không biết cấu trúc của chữ „sở“. Chữ sở ở đây là phó từ. Chữ sở có nghĩa là chỗ nếu là đứng sau danh từ. Ví dụ công sở là nơi công cộng, ở đây chữ “sở” đứng sau. Cho nên mình đọc là mình biết người ta dịch đúng hay sai. Đối với những chuyên gia Hán cổ. Đừng có vội vàng phê phán, cố gắng học sâu chút. Sẵn đây cũng xin sám hối với quý vị đồng tu là chỗ bản kinh vừa in ra có nhầm chỗ này, quý vị cố gắng sửa lại. Đồng tu Hải ngoại không bị lỗi này. Bản trong nước in ra có hai lỗi. Thực ra một lỗi như đây thì nên sửa, còn một lỗi kia 50/50 sửa cũng được, không sửa cũng được, tại vì cũng đúng chứ không sai.

**Tạm dịch:** Khi con thành Phật, chúng sanh mười phương, nghe danh hiệu con, hệ niệm nước con, phát Bồ-đề tâm, kiên cố không thoái chuyển, trồng các gốc đức, chí tâm hồi hướng, mong sanh Cực Lạc, thì chẳng ai mà không mãn nguyện. Nếu có ác nghiệp trong đời quá khứ, nghe danh hiệu con, liền tự sám hối sửa lỗi, hành đạo làm thiện, lại trì kinh giữ giới, nguyện sanh nước con. Mạng chung họ không trải qua ba đường ác nữa, liền sanh nước con, nếu không như vậy, con không giữ ngôi Chánh Giác.

*\*(Nhị thập nhất: Hối quá đắc sanh nguyện)*

 Nguyện này rất tuyệt vời! Điều kiện để về Tây Phương Cực Lạc là khi mạng chung, nghiệp chướng chúng ta tạo quá nhiều rồi, ai cũng tạo. Chúng ta không có nghiệp nặng thì chúng ta không sanh ra ở đời này vào thời gian này đâu. Nếu nghiệp nhẹ chúng ta sanh cõi trời rồi. Nếu nghiệp nhẹ chúng ta sanh cõi Bắc Cô Lưu Châu rồi, cõi đó rất tuyệt vời, không cần phải đi làm. Uất đơn thành thất bảo. Ở phẩm 32 nói cõi Uất Đơn Việt là cõi Bắc Cô Lưu Châu, không cần phải đi làm. Lúa ở đó tự chín, cây lúa ra là hái vô ăn. Con người thọ 1000 tuổi. Còn tuổi thọ chúng ta ở đây khoảng mấy chục năm. Sanh ra có khi chết mất rồi. Ở đó không có chết yểu, ai cũng sống được 1000 tuổi. Sau khi mạng chung, đa số sanh vào cõi trời, cõi người không đọa vào tam ác đạo. Còn cõi chúng ta sau khi chết ai cũng đi vào địa ngục, ngạ quỷ , súc sanh là nhiều. Đức Phật A Di Đà biết chúng ta có nghiệp chướng nặng, nên gia trì cho chúng ta. Dù có nghiệp chướng nặng nhưng không sao, cố gắng tu, cố gắng giữ giới, cố gắng phát tâm Bồ-đề, mong sanh thế giới Tây Phương Cực Lạc, cố gắng niệm Phật, đến lúc lâm chung không rớt vào tam ác đạo nữa, liền sanh về Tây Phương Cực Lạc. Đó là trong nguyện vừa rồi nói.

Hòa thượng chú giải: vi đạo tác thiện tiện trì kinh giới. Chữ đạo là chánh đạo thành Phật, tức là con đường chân chánh thành Phật. Niệm Phật thành Phật là con đường chân chánh nhất để thành Phật. Tác thiện là làm tất cả lợi ích cho chúng sanh. Tiện trì kinh giới: trì là phụng trì, là trì một cách cung kính. Chứ không phải giữ một cách ép buộc. Ví dụ quý vị đi làm ở công sở, người ta ra điều lệ gì, quý vị phải giữ một cách ép buộc. Đó không phải là phụng trì. Còn phụng trì là trì giới một cách cung kính hoan hỷ. Phụng trì kinh là yêu thích tôn trọng bộ kinh này, cung kính, hành trì. Hòa thượng chú giải kinh giới là giáo huấn trong kinh điển, tức là những lời dạy trong kinh điển. Có thể thọ trì giáo huấn trong kinh điển nhà Phật chính là tiện trì kinh giới. Tiện trì kinh giới là thọ trì, chấp nhận những điều trong kinh Phật dạy. Phật dạy đừng làm ác, đừng nói dối, mình làm theo, mình chấp nhận. Kinh này Phật dạy sao mình làm vậy thì gọi là tiện trì kinh giới, quá tuyệt vời.

**Hòa thượng chú giải:** Đây là nguyện thứ 21 “hối quá đắc sanh nguyện”. Khi con thành Phật, mười phương chúng sanh, văn (*nghe*) danh hiệu con, nhất tâm chuyên niệm y chánh trang nghiêm của thế giới Cực Lạc, phát Bồ-đề tâm, niềm tin kiên cố không thoái chuyển, dùng trì danh niệm Phật để vun trồng gốc công đức, lại dùng tâm chí thành hồi hướng cầu sanh thế giới Cực Lạc, thì không có việc không mãn nguyện. Nếu như người trong đời quá khứ có tạo tội ác cực nặng, nghe được danh hiệu A Di Đà Phật, lập tức hổ thẹn sửa lỗi, thọ trì giáo huấn của kinh điển, phát nguyện cầu sanh thế giới Cực Lạc, người đó mạng hết sẽ không trải qua lại ba đường ác, lập tức vãng sanh đến cõi nước của con. Nếu không như vậy, thì con không thành Phật.

 Chúng ta dù tạo nghiệp ác cực trọng, nghe danh hiệu đức Phật A Di Đà rồi, chúng ta lập tức hổ thẹn sửa đổi, không làm ác nữa. Kinh điển dạy sao mình làm vậy, phát nguyện cầu sanh Cực Lạc. Người đó khi mạng hết sẽ không trở lại vào ba đường ác nữa. Địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh: chúng ta không có phần. Lập tức sanh đến Tây Phương Cực Lạc. Nếu không như vậy thì đức Phật A Di Đà thề không thành Phật. Ngài đã thành Phật rồi nên chúng ta tin vào điều đó. Quý vị thấy pháp môn này rất là tuyệt vời. Chúng ta tu các các Pháp môn khác thì phải nghiệp tận tình không, thì mới ra khỏi sanh tử luân hồi. Khó lắm, còn một chút nghiệp vãn phải trả mạng. Như ngài An Thế Cao, ngài tu hành sau khi thành tựu rồi ngài quán thấy còn nợ hai mạng nên ngài đến Trung Quốc để trả nợ hai mạng đó, để cho thành tựu. Đến Trung Quốc đi ra đường tự nhiên gặp một người, thấy ghét nên đánh chết. 20 năm sau ngài đầu thai trở lại, tìm tới người đó bây giờ đã già rồi. Ngài An Thế Cao nói với ông ta, ngài là người khi đó bị ông đánh chết. Ông ta sợ quá tưởng là ma. Bữa đó con đường vắng không có ai, tự nhiên ghét quá nên đánh chết. Ông ta tưởng ngài là ma. An Thế Cao nói với ông ta, ngài chính là người bị ông đánh chết năm xưa nhưng bây giờ chuyển thế lại, thành người 20 tuổi, bây giờ ngài đến tìm ông có hai mục đích. Thứ nhất nói cho ông biết là có sanh tử luân hồi, tôi đã chết rồi bây giờ đầu thai trở lại. Thứ hai ngài còn nợ một mạng nữa. Ngày mai lại có người vô tình hại ngài chết nữa. Ông hãy ra làm chứng cho quan là người đó không cố ý, mạng này ngài nợ nên bây giờ ngài trả. Ngài nhờ ông ra làm chứng điều đó. Hai người đi ra đường gặp một người gánh củi. Tiền thân của ngài An Thế Cao đi đường sau. Gánh củi tự nhiên đứt dây, bó củi rớt xuống đập vô đầu, tiền thân của ngài An Thế Cao chết, quan phủ bắt người gánh củi vào. Người làm chứng bèn kể lại cho quan phủ là ngài An Thế Cao đêm hôm trước đã báo cho ông biết chuyện trả mạng, người gánh củi chỉ là vô tình đứt gánh củi thôi. Người gánh củi được thả, từ đó người ta tin có luân hồi. Đó cũng là độ được oan gia trái chủ. Ngài An Thế Cao sau khi chết lần đó tái sanh làm Thái-tử nước An Tức (Iran), sau đó trở lại giáo hóa độ người bạn là Long Vương hồ Cung đình (câu chuyện này Thiện Trang đã kể rồi). Nghiệp tận tình không thì mới có thể thành tựu. Còn chúng ta còn nghiệp, khó mà ra khỏi sanh tử luân hồi. Tu hoài vẫn còn nghiệp, vẫn còn phải trả mạng, biết đến bao giờ. Pháp môn này không cần phải trả nghiệp. Chúng ta chỉ cần đới nghiệp, tức là ôm nghiệp, mang nghiệp vãng sanh. Gói tạm nghiệp lại làm sao đến lúc lâm chung các nghiệp ác đừng khởi ra, đừng vào tam ác đạo, chắc chắn vãng sanh. Nguyện này nói rõ, đừng để quên tiêu chuẩn này. Nghe danh hiệu con, tức tự hối quá, liền sám hối sửa đổi. Tu đạo làm thiện, tiện trì kinh giới, nhớ trì kinh giữ giới, nguyện sanh Tây Phương Cực Lạc. Ở đây có nhiều Phật tử không chú trọng giữ giới. Chúng ta hay nói thời kỳ này là Mạt-pháp rồi, giới luật không có thành tựu, giữ làm gì. Thiện Trang đã nói rồi, nếu không giữ giới không thành tựu.

 Trong Kinh Trường Bộ Phật có nêu ra 5 lợi ích của việc giữ gìn giới luật như sau:

1. ***Người có giới đức sẽ hưởng được gia tài pháp bảo nhờ tinh tấn***.

2. ***Người có giới đức được tiếng tốt đồn xa***.

3. ***Người có giới đức không sợ hãi rụt rè khi đến các hội chúng đông đúc***. Mình giữ giới, không làm gì sai trái nên không sợ gì hết. Nếu mình phạm giới, nghe ai nói về giới đó mình khó chịu mình buồn, sợ hãi. Người ta nói mé ở đâu thôi mà mình sợ.

4. ***Người có giới đức khi chết tâm không rối loạn.*** Điều này rất quan trọng, người giữ giới khi chết tâm không rối loạn. Kinh này nói lúc lâm chung tâm bất điên đảo, tức đắc vãng sanh Tây Phương Cực Lạc quốc. Quý vị muốn tâm không điên đảo, ráng giữ giới đi. Khi chết tâm không rối loạn thì Chánh niệm mới hiện tiền được. Chúng ta tu hành rất mong tới lúc đó Chánh niệm hiện tiền, nở nụ cười niệm A Mi Đà Phật, về Tây Phương Cực Lạc.

5. ***Người có giới đức sau khi mạng chung được sinh về thiện thú, thiên giới***: Thiện thú là đường lành tức cõi người, thiên giới là cõi trời.

Đây là 5 điều lợi ích của việc giữ giới Phật thuyết trong Kinh Trường Bộ.

Và mỗi trước khi chế giới Phật nói mười lợi ích của việc chế giới.

1. ***Nhiếp thủ ư Tăng***: *vì kiện toàn Tăng-già thành chúng thanh tịnh*. Nói đơn giản là quý vị được sự che chở bảo vệ của các vị Tăng. Những người tu thanh tịnh, họ che chở quý vị. Ví dụ quý vị giữ giới tà dâm, nếu có ai đó vu khống, sẽ có người ra bảo vệ quý vị. Tăng ở đây là người, hoặc ở cảnh giới khác, thần bảo vệ. Còn chúng ta không giữ, không được bảo vệ.

2. ***Linh Tăng hoan hỉ***: *Vì tu hành phạm hạnh nên thiện tâm Tăng trưởng khiến được hoan hỉ đối với nhau*. Quý vị thấy người giữ giới quý vị vui đúng không? Thấy Thầy đó giữ giới, cô đó tu tại gia giữ giới rất tốt, nhìn thấy là vui rồi. Còn thấy người không giữ giới, ví dụ trộm cắp, thấy là sợ, sợ họ lấy đồ của mình. Còn người giữ giới có tới nhà mình, đồ đạc để khắp cũng không sao, không sợ ai lấy gì hết. Đó là khiến cho người ta hoan hỷ.

3. ***Linh Tăng an lạc***: *vì hoan hỉ được an lạc nơi thiền định, trong tự tâm*.

4. ***Linh vị tín giả tín***: *khiến người chưa có lòng tin Tam Bảo, thấy chư Tăng tu hành phạm hạnh mà sinh lòng tin*. Khiến cho người chưa tin, họ tin. Ví dụ người giữ giới, hàng xóm ngày trước không tin đạo Phật, nay thấy người học Phật giữ giới rất nghiêm túc, không nói dối, không trộm cắp, không xâm lấn, không chửi bới họ v.v… lúc đầu người ta chưa tin, dần dần bây giờ họ tin.

5. ***Dĩ tín giả linh Tăng trưởng***: *đối với người đã tin rồi khiến lòng tin của họ Tăng trưởng.* Những người đã tin rồi càng tăng thêm lòng tin. Hồi xưa tin sơ sơ, bây giờ thấy Thầy giữ giới tốt quá, Phật tử mình giữ giới tốt quá, họ tin thêm Phật, tin thêm Pháp môn Tịnh-độ. Vì họ thấy mình tu tốt, giữ giới tốt, thành người tốt. Thiện Trang có một cô đưa lên tấm hình 10 năm trước thấy ghê lắm, nhìn như con gà ác, vì cổ hay ăn gà ác để tẩm bổ. 10 năm sau ăn chay giữ giới tướng đẹp ra, mặt bây giờ nhìn giống Phật Bồ-tát. Hồi xưa nhìn như gà ác thiệt. Cô đó tự nói chứ không phải Thiện Trang nói. Đó là khiến cho người chưa tin sẽ tin, khiến cho người đã tin rồi càng thêm tin tưởng, tu theo mình. Muốn hoằng pháp lợi sanh mình phải cố gắng giữ giới, làm được những điều trong kinh dạy.

6. ***Nan điều giả năng điều***: *người khó điều phục khiến họ được điều thuận*. Ví dụ quy luật của Tăng đoàn là Tỳ-kheo giữ giới, không được nói dối, không được sát sanh, không dâm dục v.v… Những người mặc dù rất khó điều phục, họ xuất gia trong Tăng đoàn, họ cũng bị điều phục bởi những điều đó. Ví dụ họ phạm điều gì đó bị thiên hạ đưa lên, thông tin đại chúng, cho nên những người đó bị điều phục hơn. Cho nên nan điều giả năng điều. Nhờ giữ giới mà điều phục được.

7. ***Tàm quí giả an***: *khiến người biết hỗ thẹn được an vui.* Vì họ thấy giữ giới được lợi ích, được yên tâm.

8. ***Đoạn hiện tại hữu lậu***: *vì đoạn diệt phiền não ở hiện tại.* Quý vị giữ giới không trộm cắp, từ từ quý vị hết tham. Quý vị giữ giới không tà dâm, dần dần quý vị không nghĩ đến những chuyện đó. Cho nên những người tu hành, đặc biệt các cô ở nhà, các cô tu ông chồng hay chửi, các cô nói nhờ em tu cho nên không phải sợ lo lắng về chuyện đó. Thời nay vợ đi ra ngoài phải lo canh, theo dõi, định vị v.v… Bây giờ tu rồi đi đâu ông chồng cũng yên tâm, khỏi lo. Đó là lợi ích đầu tiên mà mình tu hành đó. Đó là đoạn hiện tại hữu lậu

9. ***Đoạn vị lai hữu lậu***: *vì đoạn diệt hết phiền não ở vị lai.* Tức là nhờ mình tu hành. Luôn luôn nghĩ đến giới, không chỉ bây giờ mà tương lai mình cũng không có những ý niệm trộm cắp v.v… Cho nên những lậu hoặc, những phiền não đó dứt, từ từ mình ra khỏi sanh tử luân hồi. Đời này mình ra khỏi sanh tử luân hồi cũng nhờ những ý niệm tham sân si từ từ hết. Đến lúc lâm chung một câu Phật hiệu khởi lên, niệm Phật, về Tây Phương.

10. ***Linh chánh pháp cửu trụ*** : *vì tu phạm hạnh mà chánh pháp được tồn tại lâu dài.* Như trong giới luật nói “Tỳ Ni Tạng Giả, Phật Pháp thọ mạng”. Tỳ Ni Tạng, tức Tạng luật là thọ mạng của Phật pháp, “Tỳ Ni Tạng trụ, Phật pháp diệt trụ, Tỳ Ni Tạng diệt, Phật pháp diệc diệt”. Nếu không còn giữ giới nữa thì Phật pháp bị diệt.

 Mỗi lần giảng Thiện Trang đáp ứng nhu cầu giảng một chút về Giới Luật. Phật pháp mênh mông như biển rộng, chúng ta học hoài đều không hết, mọi điều đều rất khó. Lâu lâu Thiện Trang nói cao chút xíu. Hòa thượng hay nói 10 Pháp giới, nhỏ lắm, giống như chúng đeo mắt kiếng đen, tất cả thế giới chúng ta thấy chỉ trong vòng đó thôi, trong màu đen đó thôi. Ví dụ bây giờ quý vị lấy ba đôi mắt kiếng, một đôi màu hồng, một đôi màu vàng, một đôi màu lam, ba đôi đó quý vị chồng lên rồi đeo lên mắt, quý vị không thấy gì hết, thấy toàn màu tối đen. Đó chính là những gì chúng ta đang thấy. Thấy cảnh Ta Bà khổ đau, thấy địa ngục, thấy ngạ quỷ. Đó là ba lớp đó. Bây giờ sắp Tết người ta gói bánh bằng ba lớp giấy bóng kiếng, một lớp vàng, một lớp đỏ, một lớp xanh. Ba lớp giấy đó chồng lên nhau che đi quý vị chẳng thấy gì mấy, quý vị chỉ thấy mờ mờ, đó là những gì chúng ta đang thấy. Phiền não của chúng ta giống như ba lớp giấy đó. Lớp thứ nhất là kiến-tư phiền não, hay nói theo ngôn ngữ Kinh Hoa Nghiêm là vọng-tưởng, phân-biệt, chấp-trước, là khởi tâm động niệm. Chấp-trước là lớp đầu tiên, quý vị đem gỡ lớp đầu tiên màu hồng trong ba lớp giấy kiếng đó ra, quý vị sẽ thấy sáng hơn một chút. Như vậy quý vị phá được chấp-trước, chứng được A La Hán, quý vị thấy sáng hơn rồi, nhưng vẫn còn thấy màu không chính xác. Sau đó quý vị gỡ thêm một lớp nữa, lớp phân-biệt, cũng như gỡ lớp giấy bóng kiếng màu lam. Còn lại có lớp giấy màu vàng thôi thì quý vị thấy tương đối rõ rồi, coi như chứng được Bồ-tát. Nhưng vẫn còn lớp màu vàng. Nếu quý vị muốn thành Phật thì phải gỡ nốt tấm giấy màu vàng, quý vị sẽ thấy toàn bộ cảnh vật sáng rực. Đó là Hòa thượng lấy ví dụ cho chúng ta. Hiện nay chúng ta phiền não quá sâu. Hòa thượng hay nói ba lớp phiền não đó chấp-trước, phân-biệt và vọng-tưởng. Hay nói theo tiêu chuẩn khác là kiến-tư-hoặc, trần-sa-hoặc và vô-minh-hoặc. Chúng ta bây giờ làm không nổi, chúng ta nghe hoài mà làm không được. May quá chúng ta có Pháp môn này, chúng ta chịu khó tu hành, đời này chúng ta ra khỏi sanh tử luân hồi.

**Đoạn 23**

**Kinh văn:**

我作佛時。國無婦女。

**Ngã tác Phật thời, quốc vô phụ nữ.**

**Giải:**

*#Ngã tác Phật thời, quốc vô phụ nữ:* Đây là nguyện thứ 22. Khi con thành Phật, quốc là cõi nước, quốc độ. Quốc độ của con là Tây Phương Cực Lạc, không có phụ nữ.

 Điều này nghe xong nhiều người hơi buồn, đạo tràng toàn là phụ nữ không mà Tây Phương Cực Lạc không có phụ nữ. Vậy niệm Phật không vãng sanh sao? Nguyện này đằng sau còn có một phần nữa là nếu có nữ nhân nghe danh hiệu con, nhàm chán thân nữ, nguyện sanh nước con. Sau khi mạng chung chuyển thân nữ thành thân nam, sanh về Tây Phương Cực Lạc. Cho nên Tây Phương Cực Lạc không có nữ nhân, không có nữ thân. Trong chú giải của Luật sư Đạo Tuyên nói: „Cõi nước nào có người nữ, cõi nước đó có địa ngục“. Vì có người nữ là sanh ra ái nhiễm, sanh ra nhiều thứ, cho nên địa ngục cũng từ đó mà ra. Tây Phương Cực Lạc không có người nữ. Vậy Quán Thế Âm Bồ-tát có giống người nữ không? Nhiều người không biết. Chúng ta đã học Tây Phương Cực Lạc là đồng một thân, đều là thân nam tử, đại trượng phu tướng, 32 tướng tốt. Nhưng muốn tướng nào thì hiện tướng đó. Quan Thế Âm Bồ-tát muốn độ sanh nên ngài hiện ra tướng người nữ hiền, nhưng ngài không phải người nữ. Ở đó chỉ đồng một thân tướng đại trượng phu.

 Người nữ có nhiều chướng lắm. Trong Kinh nói người nữ có 5 chướng: không làm Chuyển Luân Thánh Vương, tức là không làm vua cai quản một cõi nước, ví dụ Nam Diêm Phù Đề là một cõi nước, thống lãnh toàn bộ thế giới. Ví dụ như quả địa cầu này, mai mốt có đất nước nào thống lãnh hết toàn bộ thế giới, người nữ không làm vua cai quản cõi nước đó được. Thứ hai là không làm Vua trời Đao Lợi. Thứ ba là không làm Ma Vương, là vua trời thứ sáu. Thứ tư không làm Phạm Vương, là vua trời Đại Phạm, là Ma Hê Thủ La Thiên Vương, cũng không được làm. Thứ năm là người nữ không làm Phật.

*(女子五障)* Năm điều chướng ngại của người nữ là trong Kinh Phật nói, không phải Thiện Trang nói*. Theo kinh Pháp hoa quyển 4 thì 5 chướng ấy là: 1. Không được làm Phạm thiên vương: Phạm thiên ở nhân vị (giai vị tu nhân)tu trì thiện giới, được quả báo thù thắng mà làm Thiên vương, nếu thân người nữ đắm nhiễm dục ái thì không được làm Thiên vương. 2. Không được làm Đế thích: Trời Đế thích dũng mãnh, ít tham muốn, giữ gìn thiện giới, được quả báo làm Thiên chủ. Nếu người nữ tạp nhiễm, đa dục, thì không làm được Đế thích. 3. Không được làm Ma vương: Ma vương ở nhân vị đầy đủ 10 điều thiện, tôn kính Tam bảo, hiếu dưỡng cha mẹ, được quả báo sinh lên cõi trời Tha hóa tự tại làm Ma vương. Nếu người nữ kiêu mạn ghen ghét, không theo chính hạnh, thì không được làm Ma vương. 4. Không được làm Chuyển luân thánh vương: Chuyển luân thánh vương ở nhân vị tu hành Thập thiện, thương xót chúng sinh, được phúc báo làm Luân vương. Nếu người nữ không có hạnh từ bi thanh tịnh thì không được làm Luân vương. 5. Không được làm Phật: Như lai tu đạo Bồ tát, thương xót tất cả, tâm không nhiễm trước, nên được thành Phật. Nếu thân khẩu ý của người nữ bị dục tình trói buộc, thì không được làm Phật.*

*-KINH ĐẠI ÁI ĐẠO TỲ KHEO NI (Quyển Hạ) kể ra 84 TÁNH XẤU CỦA NỮ NHÂN. NHỮNG NGƯỜI NỮ CÓ THỂ ĐOẠN TRỪ ĐƯỢC 84 TÁNH XẤU NÀY, ĐỀU ĐƯỢC GIẢI THOÁT, ĐƯỢC ĐẮC ĐẠO, ĐỀU ĐƯỢC THÀNH PHẬT.*

 Cứ không phải là không được, ý là người nữ nhiều nghiệp chướng. Trong Kinh có nói muốn chuyển từ thân nữ sang thân nam phải tu 7 đời. Trong quá khứ đức Phật Thích Ca Mâu Ni tu hành mất 100 kiếp để chuyển từ thân nữ sanh thân nam. Nói như vậy để các quý cô biết rằng nghiệp chướng nặng mới sanh thành thân nữ. Trừ khi quý vị vì đại nguyện làm thân nữ. Tính tình người nữ khác người nam. Ở đây không phải nói xấu các cô, nhưng thực sự có kinh nghiệm, đây là nói cho các bạn trẻ nam để hiểu biết rõ về người nữ. Người nữ có một khả năng là chịu đựng rất giỏi. Nếu tu nhẫn nhục ba-la-mật chắc người nữ rất giỏi. Nhẫn rất giỏi, họ thích điều gì thì họ nhẫn nại chiều chuộng đạt cho bằng được. Nhưng khi họ ghét rồi thì khỏi ai có thể chịu nổi luôn, rất là khó chịu. Còn người nam thì đều đều, nhiều khi tức quá đánh nhau xong hôm sau vẫn chơi với nhau bình thường, người nữ thường nhớ dai. Đây là kinh nghiệm của Thiện Trang thấy trong đời, Thiện Trang đã từng ở bao nhiêu nhà trọ, đã từng chứng kiến bao nhiêu cặp vợ chồng, thấy rõ lắm. Có một chú Phật tử nói là bị dụ, khi quen thì họ chiều chuộng đủ mọi thứ, đến khi về nhà rồi thì khó chịu, nội chuyện ăn chay làm phước cũng khó. Hồi trước thì ăn chay làm phước ủng hộ hết mình. Sau này được rồi thì mọi thứ đều khó. Thiện Trang cũng có kinh nghiệm với Phật tử, hay với người ngoài, người nhà cũng vậy. Người nữ khi họ thích thì họ tuyệt vời vô cùng. Khi họ không thích nữa thì phản ứng cũng rất là khó chịu. Còn nếu ở với người nam, cho dù họ không thích mình nhưng họ vẫn đối xử với mình một cách nhẹ nhàng. Cho nên đây là tật xấu của người nữ. Người nữ nhiều tật xấu khác nữa như thích trang điểm v.v… Cho nên đây đều là những nhân chướng đạo. Nói các cô khi gặp pháp môn này thì tu hành chuyển từ thân nữ thành thân nam như lời nguyện này.

**Tạm dịch:** Khi con thành Phật, cõi nước con không có phụ nữ.

*\*(Nhị thập nhị: Quốc vô nữ nhân nguyện)*

**Hòa thượng chú giải:** Đây là nguyện thứ 22 “Quốc vô nữ nhân nguyện” (*Cõi nước không có nữ nhân*). Khi con thành Phật, trong cõi nước của con không có phụ nữ, tất cả người nữ vãng sanh đến thế giới Cực Lạc đều giống như Phật, đầy đủ 32 tướng đại trượng phu.

 Đoạn này Hòa thượng nói trước, đằng sau mới nói tới 32 tướng Đại trượng phu. Ở đây Hòa thượng nói luôn, để chúng ta sung sướng, về đó là đổi thân nữ thành thân nam, thân giống như Phật luôn, không phải là tướng đại trượng phu bình thường, mà giống như Phật luôn. Cho nên là rất tuyệt vời.

**Đoạn 24**

**Kinh văn:**

 若有女人。聞我名字。得清淨信。發菩提心。厭患女身。願生我國。命終即化男子。來我剎土。

 **Nhược hữu nữ nhân, văn ngã danh tự, đắc thanh tịnh tín, phát Bồ-đề tâm, yếm hoạn nữ thân, nguyện sanh ngã quốc. Mạng chung tức hóa nam tử, lai ngã sát độ.**

**Giải:**

*#Nhược hữu nữ nhân:* nếu có người nữ.

*#văn ngã danh tự:* nghe hiểu tu (văn tư tu) được danh hiệu của con, tức là danh hiệu A Di Đà Phật.

*#đắc thanh tịnh tín:* được niềm tin thanh tịnh, trong sáng. Con nghiệp chướng nặng lắm, bây giờ con nghe được thế giới Tây Phương Cực Lạc, nghe được danh hiệu đức Phật A Di Đà, con tin rằng con vãng sanh được, con tin con làm được. Đó là đắc thanh tịnh tín.

Hòa thượng chú giải: chỉ niềm tin không có ô nhiễm, không có nghi ngờ. Niềm tin không ô nhiễm là không nghĩ rằng nghe danh hiệu Phật tu hành để làm công chúa đời sau, hoặc là làm gì đó. Có cầu là ô nhiễm rồi. Cầu danh văn lợi dưỡng là ô nhiễm, cầu giàu có là ô nhiễm. Cho nên đắc thanh tịnh tín là niềm tin không có lung lay. Hôm nay nghe nói pháp môn này hay, hôm sau nghe nói pháp môn khác hay, ví dụ như nghe thiền vipassana, chạy qua tu vipassana, đó không phải là niềm tin thanh tịnh.

*#phát Bồ-đề tâm:* phát tâm Bồ-đề.

*#yếm hoạn nữ thân,:* yếm là chán, yếm ly ta bà.

Hòa thượng chú giải: yếm hoạn là yếm ác ưu hoạn. Thiện Trang dịch là chán ghét sự gian nan cực khổ của thân nữ.

 Có nghĩa là phát tâm Bồ-đề, thấy được thân nữ là khổ, chán ghét. Nhiều người nói phụ nữ rất tuyệt vời mà sao lại ghét. Thật ra người nữ có rất nhiều thiệt thòi. Nói về sinh lý, ví dụ như người nữ yếu đuối hơn người nam. Ví dụ như khi có chiến tranh, người nữ là người thiệt thòi nhất, bởi vì yếu đuối không bảo về được thân. Đi đường vắng cũng khó bảo vệ được thân. Cho nên người nữ có nhiều nghiệp chướng. Trong nhà dù thời đại nào cũng phải lo nấu ăn, chăm con. Người đàn ông thì ăn rồi đi chơi. Rồi mang thai rất khổ, còn đàn ông trong khi đó đi chơi vui vẻ. Mình thấy được điều đó để chán ngán thân nữ cực khổ này. Gọi là yếm hoạn nữ thân. Phải hiểu điều này. Ngày xưa Thiện Trang có cô học trò đọc đến nguyện này nói thôi con không về Tây Phương Cực Lạc đâu. Vì Tây Phương Cực Lạc không có người nữ, con muốn làm thân nữ. Đó là tình chấp, thân kiến quá nặng. Cô đó hồi đó mới hai mấy tuổi, nhưng Thiện Trang nghĩ là lớn tuổi hơn thì từ từ rồi cũng sẽ chán.

*#nguyện sanh ngã quốc:* nguyện sanh nước con.

*#Mạng chung tức hóa nam tử:* mạng chung là mạng hết, tức là lập tức, hóa nam tử là biến thành thân nam.

*#lai ngã sát độ:* sanh về nước con là sanh về Tây Phương Cực Lạc.

 Khi vừa tắt thở, sống mà ra đi, thấy Phật A Di Đà, thấy hoa sen rồi, ở trên hoa sen là thân nam rồi, không phải thấy thân nữ nữa đâu. Nguyện này tuyệt vời, tích tắt chuyển thành thân nam liền, không phải trải qua 7 đời.

 Thật ra thân nữ có nhiều chướng ngại, ngay cả người xuất gia cũng vậy. Ở Việt Nam người nữ bây giờ xuất gia đông hơn người nam. Hồi xưa nam đông, bây giờ nữ đông hơn. Qua các nước Nam truyền như Myanma cho đến bây giờ người nữ cũng chưa được xuất gia, chỉ được gọi là nữ tu trong dòng tu thôi, chỉ được thọ 8 giới, không được thọ hai trăm mấy chục giới (theo Nam truyền) và ba trăm mấy chục giới (theo Bắc truyền). Chỉ có Tỳ-kheo ni ở các nước Bắc truyền như Đài Loan, Srilanca, các nước Nam truyền như Thái Lan. Thiện Trang có một người học trò tu bên Myanma, nói bên đó chỉ như một Cư sĩ thôi, chứ không được coi là người xuất gia. Rất là tội. Nhưng biết pháp môn này không tội. Chuyển một lần là thành bình đẳng. Thậm chí nói theo ngài Hoàng Niệm Tổ, thời nay bị đảo lộn rồi. Chiếc xe bây giờ bị lật ngược lại. Bây giờ thành tựu nhiều nhất, vãng sanh nhiều nhất là người nữ tại gia, thứ hai là người nam tại gia, thứ ba là người nữ xuất gia và thứ tư là người nam xuất gia. Hồi xưa thời đức Phật, thời Chánh-pháp thành tựu nhiều nhất là người nam xuất gia. Ai cũng chứng A La Hán hoặc tu thành tựu Thiền-định gì đó, cho đến các chư tổ v.v…. Sau đó đến người nữ xuất gia, rồi tới người nam tại gia và cuối cùng là người nữ tại gia. Bây giờ đảo ngược lại hoàn toàn. Cho nên các cô bây giờ ngon hơn. Thực ra điều này cũng dễ hiểu thôi. Quý vị lên chùa thì thấy. Các chùa bây giờ ăn uống đầy đủ. Nhất là các chùa Tăng phước báo rất lớn, cho nên bận bịu cúng kiếng, lo Phật sự nhiều, ăn uống thì sướng quá, cho nên tu không nổi, không có thời gian để tu. Người xuất gia càng nổi tiếng càng ít có thời gian tu. Người nào tu thì tâm thoát ly sanh tử cũng ít nữa. Bên Ni đỡ hơn chút, chùa Ni thì nghèo hơn chút. Bên chùa Ni các Sư-bà khó tánh lắm nên các Sư cô trong chùa thường cũng khổ lắm. Tưởng xuất gia thoát nạn bên ngoài, ai ngờ vô trong chùa cũng khổ, chỉ đỡ hơn ở nhà bị chồng hành hạ. Khổ quá thì tâm giải thoát mạnh mẽ hơn. Rồi tới người nam Cư sĩ tại gia, họ thấy đời bây giờ làm nhiều việc khó quá. Lo cho vợ con, đi làm quần quật, thấy khổ quá, cho nên tâm xuất ly sanh tử mạnh, niệm Phật, ý chí vãng sanh mạnh cho nên thành tựu. Cuối cùng là người nữ khổ hơn nữa. Vừa phải đi làm (thời xưa thì không phải đi làm), vừa phải chăm con, tranh thủ mọi thời gian. Mặc dù tu ít, nhưng hễ có thời gian là tu, gồng hết mình hết sức để ra khỏi sanh tử. Khổ quá, bệnh nữa nên tâm tha thiết, tu hành dũng mãnh hơn. Mấy ông còn rảnh còn đi nhậu đi chơi, thấy đời còn sung sướng, nên tâm thoát ly sanh tử không mạnh bằng. Mà tâm nguyện mới quan trọng. Pháp môn này thành tựu ở tín, ở nguyện. Càng khổ người ta càng có tâm nguyện vãng sanh Tây Phương Cực Lạc mạnh hơn. Đức Phật A Di Đà từ bi, giang rộng cánh tay, mở hết mọi phương tiện. Trong đây đặc biệt nhấn mạnh cho người nữ, có nguyện riêng cho người nữ luôn. Đâu có nguyện nào riêng cho người nam, không có!

**Tạm dịch:** Nếu có người nữ, nghe danh hiệu con, được niềm tin thanh tịnh, phát tâm Bồ-đề, chán ghét thân nữ, nguyện sanh nước con, mạng hết liền chuyển hóa thành người nam, sanh sang nước con.

*\*(Nhị thập tam: Yếm nữ chuyển nam nguyện)*

**Hòa thượng chú giải:** Đây là nguyện thứ 23 “Yếm nữ chuyển nam nguyện”(*nguyện chán thân nữ chuyển thân nam*). Khi con thành Phật, nếu có người nữ, nghe được danh hiệu A Di Đà Phật, thì có thể được niềm tin thanh tịnh, lại dùng tịnh tín phát Bồ-đề tâm, chán ghét sự gian nan khổ cực của thân nữ, phát nguyện cầu sanh thế giới Cực Lạc, người ấy khi mạng hết, lập tức chuyển hóa thành người nam, sanh sang cõi nước của con.

 Đức Phật A Di Đà từ bi, có nguyện dành riêng cho người nữ. Chứ không phải như các bộ Kinh khác nói nào người nữ có 5 sự chướng ngại, không thể thành Phật, không thể làm Ma Vương, không thể làm vua trời Đao Lợi, không thể là Chuyển Luân Thánh Vương, không thể làm Phạm Vương. Phật A Di Đà độ hết. Con cứ niệm Phật đi, tin ta đi, dùng niềm tin thanh tịnh, phát tâm Bồ-dề đi, đừng ham thích thân nữ nữa, nguyện sanh Tay Phương Cực Lạc đi. Đến lúc lâm chung con liền chuyển hóa thành thân nam, vãng sanh về Tây Phương Cực Lạc. Quý vị thấy đức Phật A Di Đà tuyệt vời, Ngài không bỏ một ai hết. Biết người nữ sợ thiếu niềm tin, nên ngài lập ra nguyện này. Kinh Đại Á Đạo Tỳ Kheo Ni, trong đó kể ra 84 tội lỗi của người nữ, hoặc là nói trong nhiều kiếp quá khứ thế này thế kia rất tội cho người nữ. Quý vị thấy Kinh này trong hội chúng lúc đầu cũng chỉ có 500 người Ưu-bà-di. Đó là thời đức Phật. Thời này người nữ rất đông, đi đạo tràng nào cũng đông người nữ, rất tuyệt vời. Thiện Trang nghĩ là Kinh này đến thời Mạt-pháp độ cho người nữ. Trong Kinh Quán Vô Lượng Thọ, Hoàng hậu Vi Đề Hy và 500 tỳ nữ cùng vãng sanh Tây Phương Cực Lạc, đó cũng là nói Pháp môn này độ cho người nữ. Tất nhiên người nam mà tu hành thì tốt hơn người nữ. Vì phiền não của họ bớt hơn. Đây là nói chung, không phải là tất cả. Trong những người nữa cũng có những người vì một niệm ái sai lầm thôi, họ mới chuyển thành thân nữ thôi, còn tâm họ là nam. Quý vị thấy có nhều người nữ họ mạnh mẽ hơn người nam. Quý vị ra đường thấy họ chạy xe vèo vèo, ở Việt Nam đi xe máy, họ đạp số hơn người nam nữa, họ dùng chân móc số lên chứ không phải đạp nữa. Mình trả số, họ móc số. Đời trước họ là nam, mới bị chuyển ngược lại thôi. Tính vẫn còn mạnh mẽ. Cũng có những người nam nhưng yếu đuối. Như vậy là họ mới được chuyển lên thành nam. Chúng ta nhìn nghiệp nhân quả thì biết. Bây giờ còn bị loạn giới tính nữa, bây giờ rất nhiều, ngày xưa chắc là ít.

 Thời nay lưỡng tính rất nhiều, nữ không ra nữ, nam không ra am. Phật không cho những người đó xuất gia, vì nghiệp nặng. Trong Tăng đoàn của Phật có một người duy nhất là Tỳ-kheo Vakhaly. Ông là người nam, nhưng ông thích đức Phật quá, cho nên ông muốn đi theo Phật. Như vậy chỉ có xuất gia thì mới theo Phật được. Phật biết ông này có thể độ cho nên cho ông đi xuất gia. Khi vô trong Tăng đoàn Phật để cho ông ở nơi đó còn Phật đi nơi khác. Ông xa Phật nên ông nhớ buồn, người ta gọi là tương tư. Sau đó ông bịnh, Phật về thăm, ông ta rất mừng. Phật hỏi: „Ông thích gì ở thân ta, tấm thân nhơ uế này?“. Ông trả lời: „Con đi xuất gia chỉ để mong gần đức Thế Tôn. Khi đức Thế Tôn giảng Pháp con chỉ ngắm nhìn đức Thế Tôn, chứ con không nghe lời Pháp“. Phật thuyết cho ông ta một bài Pháp, lúc gần lâm chung ông ta chứng được Sơ-quả. Điều đó có nghĩa là miễn là có duyên thì sẽ được độ. Đó là trường hợp duy nhất đức Phật chấp nhận cho một người bị tính bất thường đi xuất gia.

 Đời nay, Thiện Trang thấy có nhiều người xuất gia cũng không đúng. Mặc dù điều kiện khi thọ giới Sa-di hay Tỳ-kheo luôn có câu hỏi Già nạn. Trước khi đăng đàn thọ giới luôn có câu hỏi: „Ông có phải là hoàng môn hay không?“. Hoàng môn là người nửa tháng là nam, nửa tháng là nữ, hoặc người không có nam căn v.v… có 5 điều tất cả. Hòa thượng Minh Thông nói, Giới sư bây giờ không có thần thông, cho nên họ nói không thì cũng phải chịu. Nhưng như vậy tội rất lớn. Nói như vậy để quý vị biết, con em mình mà bị như vậy thì đừng cho đi xuất gia. Chứ không bây giờ có phong trào rất nguy hiểm, họ không lập gia đình, họ đi xuất gia làm Thầy người khác. Như vậy chỉ được tướng thôi. Nhưng không có tánh. Về không có tánh thì theo lời Phật dạy tội rất lớn. Ở trong Tăng đoàn không đắc giới Tỳ-kheo hay Tỳ-kheo-ni thì là tặc trụ, tức là giặc trong Tăng đoàn. Tương lại bị đọa rất lớn. Nói như vậy để chúng ta nhắc nhở thế hệ sau. Còn những người đi trước không sợ nhân quả thì thôi.

 Pháp môn này độ tất cả căn cơ, cho dù người không căn, không nam … đều được độ thoát, miễn là chịu niệm Phật cầu sanh Tịnh-độ. Đi xuất gia thì có tiêu chuẩn. Tu Pháp môn này không cần tiêu chuẩn, người nào cũng được độ thoát, thậm chí địa ngục còn được độ thoát.

**Đoạn 25**

**Kinh văn:**

 十方世界諸眾生類。生我國者。皆於七寶池蓮華中化生。若不爾者，不取正覺。

 **Thập phương thế giới chư chúng sanh loại, sanh ngã quốc giả, giai ư thất bảo trì liên hoa trung hóa sanh. Nhược bất nhĩ giả, bất thủ Chánh Giác.**

**Giải:**

*#Thập phương thế giới:* mười phương thế giới.

*# chư chúng sanh loại:* các loài chúng sanh. Có nghĩa là không chỉ chúng sanh trong cõi người cõi trời, mà cả chúng sanh trong cõi địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh… Loài gì cũng được miễn là có tin, có tu hành thì sẽ vãng sanh.

*#sanh ngã quốc giả:* sanh sang nước con. Chữ giả có hai cách dịch, một là các loài chúng sanh nói bên trên, hai là có nghĩa là dấu phảy. Ý nói là không phải chí có người. Bồ-tát cũng được, Thanh Văn, A La Hán, súc sanh, địa ngục, ngạ quỷ cũng được, sanh sang cõi nước Tây Phương Cực Lạc

*#giai ư thất bảo trì liên hoa trung hóa sanh:* giai là đều. Đều hóa sanh, hóa sanh là tự nhiên hiện ra. Có bốn loại sanh: một là thai sanh, giống như cõi người, sanh ra từ bào thai. Thứ hai là noãn sanh, sanh ra từ trứng, như gà, thằn lằn. Thứ ba là thấp sanh, tức là sanh ra từ những nơi ẩm thấp. Thứ tư là hóa sanh, là tự nhiên hiện ra, ví dụ sanh về cõi trời, sanh về Tây Phương Cực Lạc, tự nhiên hiện ra, không qua trứng, không qua thai, không phải ẩm thấp. Hóa sanh này thù thắng hơn hóa sanh ở các cảnh giới khác. Hóa sanh ở các cảnh giới khác chưa viên mãn. Vị dụ như ở trên cõi trời Đâu Suất. Quý vị tu ở đây thì trên cõi trời Đâu Suất có một cây tự nhiên trổ hoa, mình gán vô hoa đó, nở ra, đó là hóa sanh. Chúng ta về Tây Phương Cực Lạc đức Phật A Di Đà cũng mượn giống như vậy. Chúng ta ở đây niệm Phật thì ở trên Tây Phương Cực Lạc nở ra một đóa hoa sen. Hoa sen đó, Hòa thượng nói có tên mình rồi. Mình càng niệm Phật tinh tấn thì hoa sen càng lớn. Cho nên mới nói có hoa sen nửa do-tuần, cho đến vạn ức do-tuần. Do công phu mình tu hành sâu hay cạn. Niệm Phật được nhiều hay ít không quan trọng mà là sâu hay cạn. Tu càng tinh tấn hoa sen càng lớn. Khi mình lâm chung, đức Phật cầm hoa sen đó tới, trong tích tắc mình ngồi trong hoa sen, về Tây Phương Cưc Lạc. Đó là hóa sanh trong hoa sen, không có nở ra thai sanh. Cơ thể từ từ chuyển biến lên. Trong thai khổ lắm. Trong trứng cũng vậy. Thấp sanh thì dơ dáy. Tây Phương Cực Lại là cõi nước trong sạch cho nên hóa sanh.

Giai ư thất bảo trì liên hoa trung hóa sanh: giai là đều, chữ ư dịch là ở, liên hoa là hoa sen, bảo trì là ao bảy báo, hay là ao thất bảo. Bảy ở đây không phải là con số. Bảy tượng trưng cho sự viên mãn, tức là ao đó rất đẹp, vàng ngọc, ma-ni, xa-cừ, san hô, hổ phách. Đây là chỉ nói thuận theo thế gian thôi, ở trên Tây Phương Cực Lạc còn nhiều thứ đẹp hơn rất nhiều, thế gian không hề có.

 Mình được hóa sanh trong ao đó. Có người nói mình chui vô hoa sen làm gì cho khổ. Thật ra hoa sen giống như phi thuyền hay ngôi nhà thông minh bây giờ. Mình được hóa sanh trong một ngôi nhà thông minh đầy đủ tiện nghi. Muốn ăn thì đồ ăn hiện ra, muốn ngồi thì ghế hiện ra, muốn đi đâu thì nhà thông minh bay đi theo. Cho nên „cung điện tùy thân“, tức là cung điện theo thân mình. Đó là nhà của mình, nhưng hình giống hoa sen. Chữ liên hoa là biểu tượng ở trong bùn mà không bị ô nhiễm. Nơi đó rất thanh tịnh sạch sẽ nên gọi là liên hoa, chúng ta hóa sanh ở trong đó, chứ không phải là thai sanh.

Hòa thượng chú giải: Chư chúng sanh loại chỉ cho tất cả chúng sanh của 9 pháp giới. Là tất cả các loài chúng sanh, từ Bồ-tát cho đến địa ngục. Chữ liên hoa, chữ hoa này đồng với chữ hoa kia. Trong chữ Hán có hai chữ hoa.

#*nhược bất nhĩ giả:* nhược là nếu, bất là không, nhĩ giả là như vậy. Nếu không như vậy.

*#bất thủ Chánh Giác:* thì con không thành Phật.

 Ai sanh về Tây Phương Cực Lạc đều hóa sanh trong hoa sen trong ao thất bảo. Chữ ư 於 cũng là ở trong, chữ trung 中 cũng là ở trong.

**Tạm dịch:** Các loại chúng sanh ở mười phương thế giới sanh vào nước con, đều hóa sanh trong hoa sen ở ao thất bảo. Nếu không như vậy, thì con không giữ ngôi Chánh Giác.

*\*(Nhị thập tứ: Liên hoa hóa sanh nguyện)*

**Hòa thượng chú giải:** Đây là nguyện thứ 24 “Liên hoa hóa sanh nguyện”. Khi con thành Phật, tất cả hết thảy chúng sanh ở mười phương thế giới, hễ là người sanh đến thế giới Cực Lạc, đều hóa sanh trong hoa sen ở ao bảy báu. Nếu ba nguyện trên không được thực hiện, thì con không thành Phật.

 Chúng ta vừa học ba nguyện trên: thứ nhất là nguyện nước không có người nữ. Thứ hai là chán thân nữ chuyển thành thân nam. Ba là nguyện hóa sanh trong hoa sen. Nếu ba nguyện đó mà không được thực hiện thì Ngài không thành Phật. Bây giờ Ngài đã thành Phật rồi. Hai nguyện đầu là nói về người nữ. Nguyện sau là nói hóa sanh trong hoa sen. Ba điều này đảm bảo cho chúng ta vãng sanh về đó đều tốt đẹp. Hoa sen quý vị giảng cho người bây giờ nghe là nhà thông minh cho người ta dễ hiểu. Nhà thông minh có hình hoa sen thanh tịnh như vậy, trong đó không có uế ác, là không có những điều xấu, không có những điều ác, rất là tốt đẹp. Thích thì có thể đứng lên đó bay đi khắp nơi. Còn nếu chúng ta có nghi thì sanh về Biên-địa-nghi-thành. Hoa sen đó mình không có ra khỏi được. Vì mình nghi nên hoa sen bay thì chắc mình cũng rớt theo. Tức là mình chưa đủ sức làm chủ hoa sen đó, chưa có hết phiền não, chưa hết nghi. „Hoặc tận kiến Phật“, phải hết nghi, hết phiền não, làm chủ được hoa sen thì mới nở ra. Phật rất từ bi, dùng hoa sen đóng lại, giống như đứa nhỏ, bao bọc trong hoa sen, ra sớm quá chịu không nổi. Biên-địa-nghi-thành là như vậy. Thiện Trang nghĩ đây cũng là lòng từ bi của đức Phật A Di Đà, cho nên mới có Biên-địa-nghi-thành. Ngoài những điều mà lần trước Thiện Trang chia sẻ cũng có thể là như thế.

**Đoạn 26**

**Kinh văn:**

 我作佛時。十方眾生。聞我名字。歡喜信樂。禮拜歸命。以清淨心。修菩薩行。諸天世人。莫不致敬。

 **Ngã tác Phật thời, thập phương chúng sanh, văn ngã danh tự, hoan hỷ tín nhạo, lễ bái quy mạng. Dĩ thanh tịnh tâm, tu Bồ-tát hạnh, chư thiên thế nhân, mạc bất trí kính.**

**Giải:**

*#Ngã tác Phật thời:* khi con thành Phật.

*#thập phương chúng sanh:* chúng sanh trong mười phương thế giới.

*#văn ngã danh tự:* nghe danh tự con, là danh hiệu A Di Đà Phật.

*#hoan hỷ tín nhạo:* hoan hỷ là vui mừng, tín là niềm tin. Chữ 樂này có thể đọc là lạc, tức là vui thích, nhưng ở đây phải đọc là nhạo, là yêu thích, đằng trước có chữ hoan hỷ là vui rồi. Tín nhạo là tin thích sanh về Tây Phương Cực Lạc. Tín là tin, không phải nghe xong rồi nói đức Phật A Di Đà không có, Tây Phương Cực Lạc không có.

*#lễ bái quy mạng:* lễ bái là lễ lạy, chúng ta cung kính đức Phật A Di Đà. Quy mạng nói kiểu đơn giản là giao hết chỉ hướng về đức Phật A Di Đà thôi. Con nguyện tâm này hướng về đức Phật A Di Đà thân này giao trọn cho Ngài luôn.

Hòa thượng chú giải: Quy mạng chỉ quy y toàn cả thân tâm. Quy y là nương tựa. Đem hết cả thân và tâm tin tưởng Phật A Di Đà. Nếu có bệnh thì Phật chữa bệnh cho con luôn. Đức Phật A Di Đà là Đại Y Vương. Niềm tin đến mức như vậy. Tâm cũng như vậy, con không lo gì nữa, chỉ chuyên niệm Phật thôi. Tâm con chuyên niệm Phật, chuyên hành Bồ-tát đạo vì chúng sanh, chỉ hướng về Tây Phương Cực Lạc thôi. Lễ bái quy mạng là đem hết thân tâm mình nương tựa vào đức Phật A Di Đà, nương tựa vào Tây Phương Cực Lạc.

 Chúng ta chưa làm được là do niềm tin chưa đủ. Học giáo pháp để tăng trưởng niềm tin. Hòa thượng nhắc lại câu của Đại sư Chương Gia: Sở dĩ mình chưa buông xuống được là do mình chưa nhìn thấu. Học giáo pháp là để nhìn thấu. Chưa nhìn thấu được thì chưa buông xuống được. Hòa thượng nói nhìn thấu dễ, buông xuống khó. Đại sư Chương Gia nói nếu trên bàn có một đống vàng và một đống kẹo, ông chọn thứ nào. Tất nhiên là chọn vàng. Nhưng chúng ta lại chọn kẹo vì chúng ta chưa rõ được Tây Phương Cực Lạc, chưa thấy được lợi ích của vãng sanh. Cho nên chúng ta vẫn ham luân hồi, ham này ham kia, vì mình chưa hiểu. Cho nên phải học kinh giáo.

 Quan trọng ở đây là phải có niềm tin, phải tin rồi thì mới ưa thích được. Rồi mới cung kính lễ bái, mới lễ bái quy mạng, giao hết thân tâm của mình cho đức Phật A Di Đà.

#*Dĩ thanh tịnh tâm:* dĩ là đem. Đem tâm thanh tịnh.

*#tu Bồ-tát hạnh:* tu hạnh Bồ-tát.

Hòa thượng chú giải: Bồ-tát hạnh chỉ cho Tam-phước, Lục-hòa, Tam-học, Lục-độ, Thập-thiện, thực hành những hạnh thanh tịnh, tự hành hóa tha v.v…

**Về Tịnh nghiệp Tam phước:** *Phước thứ nhất là phước nhân thiên: “Hiếu dưỡng phụ mẫu. Phụng sự sư trưởng. Từ tâm bất sát. Tu thập thiện nghiệp”.*

 Hiếu là hiếu kính, dưỡng là dưỡng nuôi. Điều này thực hiện ở Đệ Tử Quy. Phụng là phụng thờ, kính; Sự là phục vụ lo lắng. Thầy dạy gì mình nghe đó, nếu Thầy dạy đúng, phụng sự những bậc sư trưởng, Thầy của mình, mình tôn trọng. Tâm từ không giết hại chúng sanh. Thập thiện là 10 nghiệp thiện: gồm 3 nghiệp của thân: không sát sanh, không trộm cướp, không tà dâm. Bốn nghiệp của miệng: không nói dối, không nói đôi chiều (không ly gián người khác), không nói lời thô ác, không nói lời thêu dệt. Ba nghiệp của ý: không tham, không sân, không si.

 Đó mới là phước báu của cõi trời và cõi người. Muốn ra khỏi luân hồi phải tu thêm.

 *Phước thứ hai là Nhị thừa, là tiêu chuẩn mà người Nhị thừa tu. Có ba câu: “Thọ trì tam quy. Cụ túc chúng giới. Bất phạm uy nghi”. Đây là vào cửa Phật.*

 Thọ trì Tam quy là quy y Phật giác mà không mê, quy y Pháp Chánh mà không tà, quy y Tăng tịnh mà không nhiễm. Cụ túc chúng giới là đầy đủ các giới, giới luật phải giữ, Tỳ-kheo, Sa-di. Bất phạm oai nghi, ví dụ quý vị mặc áo tràng mà ra đường nhảy nhót không được, phải có oai nghi của người Phật tử. Ví dụ Ấn Quang Đại sư nói mình ngồi đừng xoay lưng về phía Tây. Đó là tôn trọng Tây Phương Cực Lạc. Ngồi không xoay lưng phía bàn Phật. Quý vị không muốn phạm oai nghi phải học 24 Oai nghi trong Sa Di Luật Nghi. Nếu người học Phật giữ giới thì tự nhiên sẽ biết các Oai nghi cần phải giữ. Ví dụ đang ngồi đọc Kinh mà chảy nước mắt, lấy tay chùi rồi cầm cuốn Kinh. Đó là phạm oai nghi, bất kính. Những oai nghi tế hạnh cần phải giữ.

Tu được ba điều này cùng bốn điều trước thì ra khỏi sanh tử luân hồi.

Sau đó muốn là Bồ-tát thì tiếp tục tu lên.

*Phước thứ ba là nền tảng của Bồ Tát Đại Thừa. “Phát tâm Bồ Đề. Tin sâu nhân quả. Đọc tụng Đại thừa. Khuyến tấn hành giả”.*

 Phải phát tâm Bồ-đề, đọc tụng kinh điển Đại thừa. Đọc là đọc Kinh, tụng là thuộc làu luôn. Đọc thuộc từ „Như thị ngã văn“ cho đến „Tín thọ phụng hành“, đọc thuộc lòng như vậy gọi là tụng. Khuyến tấn hành giả là khuyên, động viên những người tu hành.

Làm được 11 điều đó là Tịnh Nghiệp Tam Phước. Sau đó tu đến Lục-độ Ba-la-mật lần trước Thiện Trang đã giảng rồi, Tam học giới định huệ lần trước Thiện Trang cũng giảng rồi. Thập đại nguyện vương của Phổ Hiền Bồ-tát cũng nói rồi.

Ở đây còn Lục hoà kính: có 6 điều:

Thân hòa đồng trụ: những người ở chung phải hòa thuận.

Khẩu hòa vô tranh: không cãi nhau.

Ý hòa đồng duyệt: vui vẻ đừng cãi nhau.

Giới hòa đồng tu: giữ giới giống nhau.

Kiến hòa đồng giải: học giống nhau, đừng có mâu thuẫn.

Lợi hòa đồng quân: lợi ích giống nhau, chia đều. Ví dụ vợ chồng đi làm bao nhiêu cùng đem xài cho việc gia đình, chứ không giấu xài lén riêng cho mình, đó là phạm điều cuối cùng. Đó là nói sơ qua

*#chư thiên thế nhân:* chư thiên và người đời.

*#mạc bất trí kính:* mạc là không, bất là không. Không không có thể dịch là chẳng có gì không hoặc là đều. Trí kính là hết sức tôn kính. Đều hết lòng tôn kính.

 Chúng ta tu được những điều này, dùng tâm thanh tịnh, tu Bồ-tát hạnh, quý y với đức Phật A Di Đà … thì được người đời hết lòng tôn kính.

**Tạm dịch:** Khi con thành Phật, mười phương chúng sanh: nghe danh hiệu con, hoan hỷ tin thích, lễ bái quy mạng, dùng tâm thanh tịnh, tu Bồ-tát hạnh. Chư thiên và người đời đều hết lòng tôn kính.

 Chúng ta muốn được người đời tôn kính thì dựa vào những điều này: nghe danh hiệu đức Phật A Di Đà, vui mừng, tin thích, lễ bái quy y với đức Phật A Di Đà (thân tâm đều hướng về nương tựa vào đức Phật A Di Đà), dùng tâm thanh tịnh, tu hạnh Bồ-tát … thì đều được chư thiên và người đời hết lòng tôn kính quý vị.

*\*(Nhị thập ngũ: Thiên nhân lễ kính nguyện)*

**Hòa thượng chú giải:** Đây là nguyện thứ 25 “Thiên nhân lễ kính nguyện”. Khi con thành Phật, mười phương chúng sanh, sau khi nghe được danh hiệu A Di Đà Phật, liền có thể phát khởi tâm hoan hỷ, tin sâu yêu thích Pháp môn Niệm Phật, đồng thời thành kính lễ bái quy mạng, dùng tâm thanh tịnh tu tập pháp Tam phước, Lục hòa, Tam học, Lục độ, Phổ Hiền Thập nguyện Đại hạnh của Bồ-tát. Tuy họ chư có phát nguyện cầu sanh Tịnh-độ, nhưng hành trì của họ, đã đạt được sự tôn kính của chư thiên và người đời.

 Nguyện này không nói họ phát nguyện vãng sanh Tây Phương Cực Lạc, nhưng khi nghe danh hiệu đức Phật A Di Đà họ tu Tam-phước, Lục-hòa, Tam-học, Lục-độ, các đại hạnh của Bồ-tát. Những hành trì đó cũng được chư thiên và người đời lễ kính. Chúng ta tuy chưa vãng sanh Tây Phương Cực Lạc, chúng ta tu những hạnh này chúng ta cũng được chư thiên và người đời lễ kính. Nếu được như vậy là chúng ta thành công được nguyện này. Nhưng mà vì không phát nguyện vãng sanh, thích Pháp môn Niệm Phật, tu kiểu này không vãng sanh.

**Đoạn 27**

**Kinh văn:**

若聞我名。壽終之後。生尊貴家。諸根無缺。

**Nhược văn ngã danh, thọ chung chi hậu, sanh tôn quý gia, chư căn vô khuyết,**

**Giải:**

*#Nhược văn ngã danh:* nếu nghe danh hiệu con (văn tư tu), nghe hiểu, tu.

*#thọ chung chi hậu:* sau khi tuổi thọ hết (chết).

*#sanh tôn quý gia:* sanh vào nhà tôn quý

*#chư căn vô khuyết:* sáu căn không bị thiếu khuyết (mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý).

Hòa thượng chú giải: tôn quý gia chỉ cho nhà hiếu thiện hiếu đức, tích thiện. Chư căn vô khuyết là chỉ cho sáu căn không bị thiếu khuyết (không đui, điếc, câm, ngọng, què, sứt v.v…). Ai không muốn vãng sanh Tây Phương Cực Lạc Phật A Di Đà cũng gia trì, đời sau được vô nhà tôn quý giàu có, các căn đầy đủ. Đây là giúp cho đời sau có điều kiện tu tiếp, trong đó sáu căn đầy đủ, đó cũng là điều kiện để đi xuất gia. Đây là Phật A Di Đà gia trì cho những người tín tâm chưa đủ, chưa vãng sanh Tây Phương Cực Lạc, hoặc còn rớt ở lại Phật cũng gia trì. Chúng ta chắc cũng có thể là hạng đó. Quý vị có nhiều người sanh trong nhà tôn quý, mình nên xấu hổ vì đời trước tu dở quá nên rớt lại như vậy, do đức Phật A Di Đà gia trì. Không đáng tự hào đâu, đời trước đã tu đó, tu dở nên mới ở lại đây.

**Tạm dịch:** Nếu nghe danh hiệu con, sau khi mạng hết, sanh vào nhà tôn quý, các căn không thiếu khuyết.

*\*(Nhị thập lục: Văn danh đắc phước nguyện).*

**Hòa thượng chú giải:** Đây là nguyện thứ 26 “Văn danh đắc phước nguyện”. Khi con thành Phật, mười phương chúng sanh, nếu nghe được danh hiệu A Di Đà Phật, thì sanh khởi tâm hoan hỷ, tin sâu yêu thích. Nếu không có phát nguyện cầu vãng sanh, thì sau khi họ hết mạng, cũng có thể được quả báo đại phước đức: sanh vào nhà tôn quý, các căn không thiếu khuyết, tướng mạo đầy đủ.

**Đoạn 28**

**Kinh văn:**

常修殊勝梵行。若不爾者。不取正覺。

**thường tu thù thắng phạm hạnh. Nhược bất nhĩ giả, bất thủ Chánh Giác.**

**Giải:**

*#thường tu thù thắng phạm hạnh:* Những người đó họ sanh vào nhà tôn quý, họ lại tu tiếp, cho nên là thường tu thù thắng phạm hạnh. Phạm hạnh là hạnh thanh tịnh. Không dâm dục là phạm hạnh. Trời Phạm thiên là tầng trời thứ bảy trở lên là không có dâm dục. Nói rộng ra là không có những than dục khác nữa.

Hòa thượng chú giải: Phạm hạnh là chỉ cho hạnh thanh tịnh vô dục. Thù thắng phạm hạnh là chỉ cho pháp môn niệm Phật. Tức là đời sau tiếp tục tu Pháp môn Niệm Phật.

*#Nhược bất nhĩ giả:* nếu không được như vậy.

*#bất thủ Chánh Giác:* con không ở ngôi Chánh Giác.

**Tạm dịch**: thường tu thù thắng phạm hạnh. Nếu không như vậy, thì con không giữ ngôi Chánh Giác.

*\*(Nhị thập thất: Tu thù thắng hạnh nguyện)*

**Hòa thượng chú giải:** Đây là nguyện thứ 27 “Tu thù thắng hạnh nguyện”. Khi con thành Phật, mười phương chúng sanh văn (*nghe*) danh hiệu con, hoan hỷ tin thích, lễ bái quy mạng, tuy không có phát nguyện cầu vãng sanh, nhưng đời sau vẫn có thể tiếp tục tu học Pháp môn niệm Phật. Ba nguyện trên nếu không thực hiện, thì con không thành Phật.

 Ba nguyện trên là nguyện nghe danh được phước, được chư thiên lễ kính, được sanh vào nhà tôn quý, tiếp tục tu pháp môn niệm Phật đời sau tu tiếp. Phật rất từ bi, thấy chúng sanh chưa nguyện vãng sanh tha thiết, rớt lại đời sau giàu có một chút, đầy đủ các căn, tiếp tục tu Pháp môn niệm Phật. Phạm hạnh thù thắng nhất là Pháp môn Niệm Phật. Chứ không tu miết không biết bao giờ ra khỏ luân hồi.

 Thiện Trang nhớ câu chuyện thời nhà Minh, thế kỷ 16, 17. Thời đó là thời vua Minh Thần Tông, niên hiệu là Vạn Lịch:

 Có một vị xuất gia ở trong chùa, xuất gia mà không biết tu hành, suốt ngày làm công việc nặng nhọc trong chùa. Đó là thời Mạt-pháp nên không biết tu gì hết. Nhưng tâm ông rất thành kính. Một ngày nọ cảm được Phật Bồ-tát gia hộ, có một vị Tăng từ nơi xa tới, hỏi ông tu Pháp môn gì. Ông trả lời không tu gì hết, suốt ngày chỉ làm việc nặng nhọc mấy năm nay rồi. Vị Tăng nói vậy từ nay ông hãy phán câu thoại đầu „Niệm Phật là ai“. Đây là dạy Thiền chứ không phải dạy Niệm Phật. Từ đó trong đầu ông cứ lặp lại câu „Niệm Phật là ai“. Một ngày nọ, ông cảm thấy tu tốt rồi, bỏ chùa lên núi tu. Ở trên hàng động tu đến lúc quần áo rách tả tơi. Gia đình ông, gồm có cha mẹ và một người chị thấy con mình tu khổ sở quá nên lên thăm. Người chị đem gạo, đem đồ lên thấy ông ngồi thiền trên một tảng đá. Người chị thấy ông tu gì mà quần áo tơi tả, thấy chị lên cũng không để ý, người chị dụt đồ ở đó rồi đi về. 13 năm sau, người chị lại lên núi thấy ông vẫn ngồi thiền trên tảng đá, đồ ăn vẫn ở đó không hề đụng đến, không biết ông tu kiểu gì.

 Một ngày kia, có một vị quan gặp nạn, trốn triều đình chạy lên đó gặp ông, hỏi ông có đồ ăn không tôi đói quá rồi. Ngài lên trên vách đá lấy mấy hòn sỏi bỏ vô nồi nấu, ăn mùi vị giống như khoai tây. Người đó biết ngài không phải người thường, chắc là tu đắc đạo rồi. Bao nhiêu năm tu hành, quần áo ránh rưới mà tu không ra ngoài gì hết. Ngài dặn ông, việc này ông biết thôi đừng đem nói với ai. Ông biết mình đắc đạo rồi nên xuống núi đi độ sanh. Ông xuống núi cất một chòi tranh bán nước cho người qua lại. Lúc đó vua Minh Thần Tông, niên hiệu Vạn Lịch có người mẹ vừa qua đời nên muốn lập đàn cầu siêu cho mẹ mà không biết ở đâu có Cao tăng. Ngườ imẹ về báo mộng cho vua: hãy đến nơi đó tìm Cao tăng, chứ trong triều đình không có. Vua bèn hạ chiếu chỉ triệu tập tất cả các vị Tăng ở vùng đó đến làm lễ cầu siêu cho mẹ.

 Tất cả mọi người mặc đồ đẹp kéo nhau đi lên triều đình. Đi ngang qua quán nước, ngài hỏi quý Thầy đi đâu. Quý Thầy trả lời là đi lên Kinh làm lễ cầu siêu cho mẹ của vua. Ngài xin đi theo cùng. Các vị kia nói tướng ông lôi thôi như vậy, làm sao vô cung được. Ngài nói, ngài không vô cung, chỉ đi theo các Thầy để gánh đồ thôi. Mọi người liền đồng ý. Vua Minh Thần Tông nghĩ ra một kế là trên đường vào cung đào một hố chôn bộ Kinh Kim Cang xuống. Nếu là Cao tăng thực sẽ không dám đi qua. Tất cả các vị Tăng kia đều đi qua hết, riêng chỉ có mình ông không dám bước qua. Ông quỳ xuống đó. Lính báo vào cung, vua ra hỏi ông tại sao không vào cung. Ngài trả lời: Tôi không dám bất kính, không thể đạp lên Kinh Phật được. Vậy ông hãy đội Kinh mà đi qua, ngài chổng ngược đầu xuống đi qua. Vua biết ngài không phải người thường. Vào cung vua hỏi theo ý của ngài thiết lập bàn cầu siêu như thế nào, chỉ cần một ít hoa, quả, nước như vậy thôi. Vua thấy mình là vua mà thiết kế bàn thờ nhỏ vậy không hài lòng, nhưng nghe lời. Sáng hôm sau tụng Kinh xong, ông thổi một cái gió bay ào ào hết. Vua Minh Thành Tông nói, chắc có được hay không, khởi tâm nghi ngờ. Vừa lúc đó từ trong cung vang tiếng Mẫu hậu nói hãy cảm ơn Thánh Tăng đi, mẹ đã được giải thoát rồi. Lúc đó vua giữ ngài lại.

 Vua mặc một cái khố có thêu rồng, ngài cứ nhìn miết. Vua hỏi có phải ngài thích cái khố đó không? Ngài nói thích lắm. Vua bèn tặng cho ngài chiếc khố đó. Từ đó người ta gọi ngài là Thiền sư Long Khố (khố có thêu rồng). Một ngày nọ đến một cái Tháp của vua, ngài lại nhìn. Vua lại hỏi có phải ông thích cái tháp này. Ngài lại nói phải, vua tặng tháp cho ngài và nói người dời tháp về chỗ ngài. Ngài nói thôi khỏi cần, chỉ cần ông đồng ý là được rồi. Ngài lấy tay áo ra, thu tháp nhỏ lại bỏ vào tay áo, bay lên trời biến mất luôn. Từ đó không ai tìm ngài được nữa.

 Một người tu hành mười mấy năm đắc đạo bằng tâm thành kính. Ý Thiện Trang muốn giảng ở nguyện này là nhiều khi chúng sanh chấp tướng, tướng phải đẹp. Thánh Tăng thường thị hiện ở những hình tướng như thế. Ngài Hư Vân chắc quý vị chắc cũng thấy được như vậy, ngài tu nhìn tướng cũng rất khủng khiếp. Nhưng những người thành tựu là những người như vậy. Quý vị thấy những vị Cao tăng như ngài Trí Tịnh, ngài Thiền Tâm tướng rất bình thường giản dị. Còn ngày nay quý vị thích quý Thầy quý Cô tướng đẹp, Cư sĩ tướng đẹp. Đó là nguyện này “chư căn vô khuyết, thường tu thù thắng phạm hạnh”. Tướng đoan chánh trang nghiêm nhưng đâu có biết người ta tu như thế nào. Thiện Trang ý nói ở đây là quý vị đừng chấp tướng. Thiện Trang thấy trong những người giảng Kinh thuyết Pháp tướng của Hòa thượng rất tuyệt vời, còn đa số là không có như vậy. Là do hồi hướng đời trước, có thể là như vậy. Thiện Trang không có tướng đẹp, nghiệp chướng Thiện Trang chắc là nặng lắm. Ngày trước có một vị Thầy nói với Thiện Trang, may cho Thầy, Thầy có nhiều tài năng như vậy, Thầy không có tướng hảo, chứ nếu Thầy vừa có tài vừa đẹp nữa chắc Thầy tu không nổi. Thiện Trang nghĩ đó cũng là may mắn, là phước báo. Chúng ta tu hành đừng có hồi hướng đời sau thân tướng tốt đẹp quá, sẽ khó tu. Người nữ tướng đẹp quá cũng đâu có tu nổi, thi hoa hậu này kia. Còn người nam đẹp thì Ma Đăng Già theo rất nhiều. Thà là xấu xấu chút, thì những người chân thành họ tìm tới mình. Mình tu hành tốt một thời gian tướng càng ngày càng đẹp ra. Như vậy tốt hơn. Ở đây nên học đừng có nguyện tu tướng tốt, hãy nguyện vãng sanh Tây Phương.

**Câu hỏi**: Kính bạch Thầy vì sợ khổ mà phát nguyện vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thì có phải là phát tâm Bồ-đề không ạ?

**Trả lời**: Bồ-đề tâm Hòa thượng giảng rất nhiều. Nếu chỉ mong về Tây Phương Cực Lạc để hưởng phước thì đó không phải là tâm Bồ-đề. Còn chúng ta vì ra khỏi sanh tử luân hồi thì đó là tâm Bồ-đề, nhưng tâm Bồ-đề đó nhỏ. Thêm nguyện độ chúng sanh nữa thì đó là thực tâm Bồ-đề. Còn nếu chúng ta phát tâm ra khỏi sanh tử luân hồi như hàng Nhị-thừa thì cũng là tâm Bồ-đề nhưng chưa trọn vẹn. Chúng ta nguyện về Tây Phương Cực Lạc là chúng ta biết là chúng ta tu Bồ-tát hạnh, sau đó độ sanh, chứ không phải tu Tiểu-thừa. Cho nên nguyện về Tây Phương Cực Lạc là có nguyện độ sanh là có tâm Bồ-đề rồi, đã có tâm độ sanh, vừa tự giác, giác tha rồi. Vì sợ khổ sợ luân hồi mà phát nguyện vãng sanh là được rồi. Nếu nguyện về Tây Phương Cực Lạc để chứng quả rồi nhập Niết Bàn thì mới không phải là tâm Bồ-đề. Mình về đó nguyện độ sanh là có tâm Bồ-đề.

 Người nữ có nghiệp chướng là dễ tin nhưng dễ thay đổi, ai nói gì thay đổi nhanh lắm. Đó là chướng ngại trong tu hành. Dễ tin thì tốt, dễ thay đổi thì không tốt. Còn người nam khó tin, nhưng tin rồi thì nguyện không lung lay. Người nam dễ lung lay là nghiệp chướng từ đời trước chuyển lên. Cho nên nói thiện nam tín nữ (trai lành gái tín). Trong Kinh Vô Lượng Thọ là thiện nam tử, thiện nữ nhân. Có bản dịch Kinh Vô Lượng Thọ là trai lành gái tín là không đúng. Hôm nay nghe người này tin, hôm sau nghe người khác cũng tin. Quý vị đang theo vị thầy đó, nghe người khác nói một hồi, chuyện không có cũng thành thật, quý vị không tin nữa. Đó là bình thường. Đó là nghiệp chướng của người nữ, dễ tin, và vì dễ tin nên dễ thay đổi. Tại sao các đạo tràng người nữ rất đông, người nam ít. Người nam thành tựu thù thắng hơn người nữ. Nhưng người nữ thành tựu nhiều hơn, vì tỷ lệ người nữ tu hành nhiều hơn. Quý vị thấy trong lịch sử có quý Cô nào tự tại vãng sanh nhiều bằng quý Thầy đâu. Nhưng Pháp môn này là bình đẳng, ai cũng vãng sanh là được rồi.

 Hôm nay chúng ta dừng ở đây, kính chúc quý vị tu hành tinh tấn. Thực ra tu hành thành tựu ở pháp môn này không khó, khó là chúng ta không kiên quyết. Nếu chúng ta kiên quyết một phương hướng, một mục tiêu, chí tâm hồi hướng nguyện sanh ngã quốc, nãi chí thập niệm, một đến mười niệm thôi, vãng sanh rồi. Từ nay đường luân hồi chấm dứt. Trong Kinh nói „hoành tuyệt ư ngũ thú“, đi dứt ngang được con đường ác, vô cực chi thắng đạo, dĩ vãng nhi vô nhân. Con đường đạo thù thắng như vậy, dễ đến lắm mà sao không có người. Chúng ta ráng lên, những người thành tựu rất nhiều. Chúng ta vào được Kinh Vô Lượng Thọ là bộ Kinh chính của Tịnh-độ. Lần này chia sẻ Kinh Vô Lượng Thọ nhẹ nhàng theo Chú Giải của Hòa thượng. Lần sau sẽ chia sẻ thêm tinh hoa trong bộ Khoa Chú của Hòa thượng, giảng lại cho quý vị sâu hơn một tầng nữa.

Mời quý vị hồi hướng

Chúng sanh vô biên thệ nguyện độ

Phiền não vô tận thệ nguyện đoạn

Pháp môn vô lượng thệ nguyện học

Phật đạo vô thượng thệ nguyện thành!

Nguyện đem công đức này

Hướng về khắp tất cả

Đệ tử và chúng sanh

Đồng sanh về Tịnh-độ

*(Hết buổi 6 - phẩm 6)*